



*Dietcombank*

Báo cáo **thường niên**  
ANNUAL REPORT  
**2007**

Vươn lên mạnh mẽ | Tiếp nối thành công



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Các báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



Ernst & Young Vietnam Limited  
Daeha Business Center  
15th Floor, 360 Kim Ma Street  
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 4 831 5100  
Fax: +84 4 831 5090  
www.ey.com

Số tham chiếu: 21088/21107

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (sau đây được gọi tắt là "Ngân hàng") và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lợi nhuận để lại hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (sau đây được gọi tắt là "các báo cáo tài chính hợp nhất"). Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp chọn mẫu. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và theo các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính Việt Nam.



Michael Yu Lim

Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0629/KTV

Võ Xuân Minh

Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0923/KTV

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 10 tháng 06 năm 2008

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	<i>Thuyết minh</i>	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 số trình bày lại triệu đồng
<b>TÀI SẢN</b>			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	2	3.204.247	2.418.207
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	3	11.662.669	11.848.460
Tiền gửi tại và cho vay	4	41.597.561	52.234.769
các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác			
Tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác	4.1	2.267.931	1.804.381
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác	4.2	39.348.625	50.430.388
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	4.3	(18.995)	-
Chứng khoán kinh doanh	7	2.822.117	568.599
Chứng khoán kinh doanh		2.822.117	569.140
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(541)
Cho vay khách hàng		95.429.695	66.250.888
Cho vay khách hàng	5	97.531.894	67.742.519
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	6	(2.102.199)	(1.491.631)
Chứng khoán đầu tư	8	37.715.965	30.394.468
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		35.113.417	25.912.830
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		2.602.548	4.481.638
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		-	-
Góp vốn đầu tư dài hạn		1.667.616	964.687
Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh và công ty liên kết	9	585.742	487.717
Đầu tư góp vốn dài hạn khác		1.081.874	476.970
Dự phòng giảm giá góp vốn đầu tư dài hạn		-	-
Tài sản cố định	10	1.049.157	1.109.918
Tài sản cố định hữu hình	10.1	851.991	956.007
Nguyên giá tài sản cố định		2.144.857	1.964.027
Hao mòn tài sản cố định		(1.292.866)	(1.008.020)
Tài sản cố định vô hình	10.2	197.166	153.911
Nguyên giá tài sản cố định		316.706	260.565
Hao mòn tài sản cố định		(119.540)	(106.654)
Tài sản có khác		2.259.009	1.337.836
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>197.408.036</b>	<b>167.127.832</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Thuyết minh	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 số trình bày lại triệu đồng
<b>NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CÓ ĐÔNG THIỀU SỐ</b>			
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	11	12.685.256	16.791.428
Tiền gửi và vay các TCTD khác	12	17.939.810	12.170.573
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác	12.1	6.850.158	5.554.968
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác	12.2	11.089.652	6.615.605
Vay từ các TCTD khác		-	-
Tiền gửi của khách hàng	13	141.589.093	111.916.337
Phát hành giấy tờ có giá	14	3.221.058	8.778.783
Nguồn vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro 15		2.471.164	2.467.637
Các khoản nợ khác		5.865.769	3.699.874
Lãi dự chi		1.761.763	1.550.051
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả	16	338.211	100.812
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	16	642	1.570
Các khoản phải trả và công nợ khác		3.260.252	1.959.348
Dự phòng cho các công nợ tiềm ẩn		504.901	88.093
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>183.772.150</b>	<b>155.824.632</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
Vốn và các quỹ	17		
Vốn điều lệ	17.1	4.429.337	4.356.737
Vốn khác	17.1	1.258.266	1.180.827
Các quỹ dự trữ	17.2	7.343.422	5.321.221
Quỹ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính		106.418	90.371
Quỹ đánh giá lại tài sản		9.756	13.741
Lợi nhuận để lại		404.347	265.209
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>13.551.546</b>	<b>11.228.106</b>
<b>LỢI ÍCH CÓ ĐÔNG THIỀU SỐ</b>		<b>84.340</b>	<b>75.094</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>197.408.036</b>	<b>167.127.832</b>
<b>VÀ LỢI ÍCH CÓ ĐÔNG THIỀU SỐ</b>			

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẰNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	31/12/2006	31/12/2007	số trình bày lại
	<i>Thuyết minh</i>	triệu đồng	triệu đồng
<b>Các công nợ tiềm ẩn</b>	<b>21</b>		
Bảo lãnh tài chính		39.777.118	26.021.012
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		1.008.968	1.766.133
		<b>40.786.086</b>	<b>27.787.145</b>
<b>Các cam kết</b>	<b>21</b>		
Cam kết cho vay chưa giải ngân		45.038.952	33.505.945

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	<i>Thuyết minh</i>	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 số trích bày lại triệu đồng
<b>THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	18	11.389.055	9.089.610
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	19	(7.289.180)	(5.272.825)
<b>THU NHẬP LÃI THUẦN</b>			
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		853.094	723.498
Chi phí hoạt động dịch vụ		(251.735)	(175.246)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ		601.359	548.252
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		354.532	273.481
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh và đầu tư chứng khoán		260.915	100.776
Lãi /(lỗ) thuần từ đầu tư góp vốn vào CT liên doanh và CT liên kết		71.450	108.099
Thu nhập từ các khoản đầu tư dài hạn khác		174.914	52.027
Thu nhập hoạt động khác		200.348	140.137
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>		<b>5.763.393</b>	<b>5.039.557</b>
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>			
Chi phí cho cán bộ công nhân viên		(645.406)	(445.597)
Chi phí khấu khao		(336.970)	(315.872)
Chi phí hoạt động khác		(645.364)	(529.691)
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>(1.627.740)</b>	<b>(1.291.160)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>4.135.653</b>	<b>3.748.397</b>
<b>trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>			
Chi phí dự phòng cho vay khách hàng		(898.133)	(114.773)
Chi phí dự phòng cho tài sản xiết nợ		(2.400)	(1.590)
Chi phí dự phòng cho vay các TCTD khác		(18.995)	-
Chi phí dự phòng cho các cam kết ngoại bảng		(416.808)	(4.361)
Thu từ các khoản nợ đã xử lý bằng nguồn dự phòng		392.802	249.583
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>3.192.119</b>	<b>3.877.256</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(785.058)	(1.016.217)
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>		<b>2.407.061</b>	<b>2.861.039</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số		(9.394)	(1.858)
<b>LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM</b>		<b>2.397.667</b>	<b>2.859.181</b>

**BÁO CÁO LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	31/12/2006	31/12/2007	số trinh bày lại
	Thuyết minh	triệu đồng	triệu đồng
<b>LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI ĐẦU NĂM</b>		<b>265.209</b>	<b>148.034</b>
Lợi nhuận thuần trong năm		2.397.667	2.859.181
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHÓI</b>		<b>2.662.876</b>	<b>3.007.215</b>
<i>Trừ:</i>			
Trích lập các quỹ dự trữ bổ sung của các CT liên doanh		-	(20.043)
Tạm trích các quỹ dự trữ trong năm của Ngân hàng		(2.152.362)	(2.653.784)
Tăng các quỹ từ nguồn lợi nhuận để lại		-	(67.473)
của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương ("VCBS")			
Tạm trích các quỹ dự trữ trong năm của VCBS		(103.800)	(15.081)
Tạm trích các quỹ dự trữ trong năm		(72)	-
của Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198			
Biến động khác về lợi nhuận để lại trong năm của VCBS		(5.051)	-
Điều chỉnh số dư đầu kỳ lợi nhuận để lại của Công ty Tài chính		6.917	-
Việt Nam - Hồng Kông (Vinafico) theo báo cáo			
kiểm toán năm 2006 và 2007			
Xử lý khoản lỗ của Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản		(193)	-
nợ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam do công ty này đã giải thể			
Xử lý chênh lệch thuế GTGT giữa biên bản thẩm định		(1.275)	-
và quyết toán thuế từ năm 2002 đến năm 2004			
Ảnh hưởng ròng của các bút toán hạch toán lại theo		-	7.086
kết quả thẩm định			
Các khoản khác		(2.693)	7.289
<b>LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI CUỐI NĂM</b>		<b>404.347</b>	<b>265.209</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHÁT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	31/12/2006	số trình bày lại
	31/12/2007	triệu đồng
	Thuyết minh	triệu đồng
<b>LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
Thu nhập lãi và phí dịch vụ	11.750.422	9.510.493
Chi lãi và phí dịch vụ	(7.329.203)	(4.773.133)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	354.530	245.061
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh và đầu tư chứng khoán	260.915	100.776
Thu nhập từ các khoản đầu tư dài hạn khác	110.209	52.027
Thu từ các khoản nợ đã xử lý bằng nguồn dự phòng	392.802	249.583
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	(449.447)	(502.729)
Các khoản chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ	(592.946)	(463.287)
Thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(518.350)	(1.119.057)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>3.978.932</b>	<b>3.299.734</b>
<b>trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>		
<i>(Tăng)/Giảm tài sản hoạt động</i>		
Các khoản tiền gửi CKH và cho vay các TCTD khác	605.230	(5.955.827)
Các khoản về đầu tư chứng khoán	(8.810.320)	(23.643.139)
Các khoản cho vay khách hàng	(29.789.375)	(6.698.538)
Giảm dư nợ cho vay khách hàng do xử lý bằng nguồn dự phòng trong năm	(288.022)	(258.708)
Tài sản cố định	(388.141)	(57.518)
<i>Tăng/(Giảm) công nợ hoạt động</i>		
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	(4.106.172)	8.192.809
Tiền gửi của các TCTD	5.769.237	7.040.122
Tiền gửi của khách hàng	29.672.756	7.304.311
Phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	(5.557.725)	4.340.757
Nguồn vốn tài trợ, uỷ thác ĐT, cho vay TCTD chịu rủi ro	3.527	16.450
Sử dụng các quỹ dự trữ	(195.288)	(103.111)
Các khoản nợ khác	1.248.529	963.218
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(7.856.832)</b>	<b>(5.559.440)</b>
<b>LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
Mua sắm tài sản cố định	(291.571)	(334.729)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	575	855
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(564.310)	(321.746)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(855.306)</b>	<b>(655.620)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	<i>Thuyết minh</i>	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 số trình bày lại triệu đồng
<b>LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tăng vốn điều lệ do nhận lãi từ Trái phiếu CP Đặc biệt	17.1	72.600	72.600
Tăng vốn điều lệ từ việc thu hồi các khoản nợ nhóm 2 từ nguồn của Chính phủ	17.1	-	5.010
Các khoản khác		(9.042)	(2.127)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>63.558</b>	<b>75.483</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(8.648.580)</b>	<b>(6.139.577)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>58.561.911</b>	<b>64.701.488</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>20</b>	<b>49.913.331</b>	<b>58.561.911</b>

## 1. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 1.1. Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng" hay "triệu VNĐ"), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thủ tướng Chính phủ ban hành; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ; và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các hướng dẫn có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Một số khoản mục trong các báo cáo tài chính hợp nhất của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

### 1.2. Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 1.3. Hợp nhất các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của các công ty con có cùng niên độ báo cáo với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

### 1.4. Trình bày số liệu so sánh

Năm 2007, Ngân hàng thực hiện áp dụng Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN để lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, để đảm bảo tính có thể so sánh của các thông tin, số liệu kế toán giữa các kỳ kế toán theo yêu cầu của VAS - 01 - Chuẩn mực Chung, Đoạn 15, một số khoản mục trên các báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2006 được trình bày cho phù hợp với Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN.

Trong năm 2006, Hội đồng Quản trị Ngân hàng đã thông qua thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất của các năm 2005, 2006 và các năm trước đó. Theo đó, số dư đầu kỳ của báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh như sau:

**Bảng cân đối kế toán**

	2006 đã kiểm toán triệu đồng	ảnh hưởng do trình bày số liệu so sánh	2006 trình bày lại điều chỉnh triệu đồng
<b>TÀI SẢN</b>			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	2.418.207	-	2.418.207
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	11.848.460	-	11.848.460
Tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác	1.804.381	-	1.804.381
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác	50.430.388	-	50.430.388
Chứng khoán kinh doanh	-	568.599	568.599
Chứng khoán đầu tư	31.116.572	(722.104)	30.394.468
Cho vay khách hàng	67.742.519	-	67.742.519
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(1.490.470)	-	(1.491.631)
Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh và công ty liên kết	487.717	-	487.717
Đầu tư góp vốn dài hạn khác	476.970	-	476.970
Tài sản cố định hữu hình	955.458	-	549
Tài sản cố định vô hình	191.373	-	(37.462)
Lãi dự thu	550.977	337.774	(3.358)
Tài sản có khác	419.468	(5.474)	38.449
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>166.952.020</b>	<b>178.795</b>	<b>(2.983) 167.127.832</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	5.878.041	10.913.387	- 16.791.428
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác	16.468.355	(10.913.387)	- 5.554.968
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác	6.615.605	-	6.615.605
Nguồn vốn tài trợ, ủy thác ĐT, cho vay TCTD chịu rủi ro	3.840.742	(1.373.105)	- 2.467.637
Tiền gửi của khách hàng	119.778.871	(7.862.504)	(30) 111.916.337
Phát hành giấy tờ có giá	8.778.783	-	8.778.783
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả	118.982	-	(18.170) 100.812
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.570	-	1.570
Lãi dự chi	1.549.858	-	193
Các khoản phải trả và công nợ khác, dự phòng cho các công nợ tiềm ẩn	1.497.654	635.621	(85.834) 2.047.441
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>155.749.678</b>	<b>178.795</b>	<b>(103.841) 155.824.632</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
Vốn điều lệ	4.356.737		4.356.737
Vốn khác	1.180.827	-	1.180.827
Các quỹ dự trữ	5.227.449	93.772	5.321.221
Quỹ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC	90.371	-	90.371
Quỹ đánh giá lại tài sản	13.741	-	13.741
Lợi nhuận để lại	258.123	7.086	265.209
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>11.127.248</b>	<b>100.858</b>	<b>11.228.106</b>
<b>LỢI ÍCH CÓ ĐÔNG THIẾU SỐ</b>	<b>75.094</b>		<b>75.094</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CÓ ĐÔNG THIẾU SỐ</b>	<b>166.952.020</b>	<b>178.795</b>	<b>(2.983) 167.127.832</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2006 đã kiểm toán triệu đồng	ảnh hưởng do trình bày số liệu so sánh	2006 điều chỉnh	2006 trình bày lại triệu đồng
<b>THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>				
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	9.156.930	-	(67.320)	9.089.610
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(5.272.632)	-	(193)	(5.272.825)
<b>THU NHẬP LÃI THUẦN</b>	<b>3.884.298</b>	-	(67.513)	<b>3.816.785</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	723.498	-	-	723.498
Chi phí hoạt động dịch vụ	(175.246)	-	-	(175.246)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	274.052	-	(571)	273.481
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh và ĐT chứng khoán	100.776	-	-	100.776
Lãi/(lỗ) thuần từ đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh và công ty liên kết	108.099	-	-	108.099
Thu nhập từ các khoản đầu tư dài hạn khác	52.027	-	-	52.027
Thu nhập hoạt động khác	313.899	(236.813)	63.051	140.137
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>	<b>5.281.403</b>	<b>(236.813)</b>	<b>(5.033)</b>	<b>5.039.557</b>
<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
Chi phí cho cán bộ công nhân viên	(448.882)	-	3.285	(445.597)
Chi phí khấu hao	(314.495)	-	(1.377)	(315.872)
Chi phí hoạt động khác	(450.180)	-	(79.511)	(529.691)
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>(1.213.557)</b>	-	<b>(77.603)</b>	<b>(1.291.160)</b>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	4.067.846	(236.813)	(82.636)	3.748.397
Chi phí dự phòng cho vay khách hàng	(168.227)	-	53.454	(114.773)
Chi phí dự phòng cho tài sản xiết nợ	(1.590)	-	-	(1.590)
Chi phí dự phòng cho các cam kết ngoại bảng	(4.361)	-	-	(4.361)
Thu từ các khoản nợ đã xử lý bằng nguồn dự phòng	236.813	-	12.770	249.583
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>3.656.855</b>	<b>(236.813)</b>	<b>(16.412)</b>	<b>3.877.256</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(1.016.647)	-	430	(1.016.217)
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>2.640.208</b>	<b>(236.813)</b>	<b>(15.982)</b>	<b>2.861.039</b>
<b>LỢI ÍCH CÔ ĐÔNG THIẾU SỐ</b>	<b>(1.858)</b>	-	-	<b>(1.858)</b>
<b>LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>2.638.350</b>	<b>(236.813)</b>	<b>(15.982)</b>	<b>2.859.181</b>

## 1.5. Thay đổi chính sách kế toán

Trong năm 2007, Ngân hàng không thực hiện tính thuế và phân phôi quỹ trên thu nhập từ đánh giá lại vàng và ngoại tệ theo hướng dẫn chi tiết của Thông tư 134/2007/TT-BTC về việc thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 23 tháng 11 năm 2007. Việc không tính thuế và phân phôi thu nhập trên thu nhập thuần từ đánh giá lại vàng và ngoại tệ này không áp dụng hồi tố cho năm 2006.

Bên cạnh đó, biên bản kiểm toán Nhà nước năm 2007 cho phép Ngân hàng thực hiện trích lập quỹ tiền lương, chi phí thuế và phân phôi lợi nhuận trên lãi liên doanh nhận được trong năm. Do đó, số dư đầu kỳ năm 2006 đã được trình bày lại cho phù hợp với chính sách kế toán của Ngân hàng năm 2007.

## 1.6. Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

## 1.7. Dự phòng rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN.

## 1.8. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi ngoại trừ lãi Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt. Lãi Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt không được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất mà được trực tiếp ghi tăng vốn điều lệ khi thực nhận theo Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 4 tháng 11 năm 2002 của Bộ Tài chính. Lãi dự thu chưa thu được phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở thực thu, thực chi. Cỗ tức nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi có quyết định của hội đồng quản trị của đơn vị được đầu tư.

## 1.9. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và quy đổi

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch

toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được hạch toán bằng VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh thông qua giao dịch mua bán ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài khoản kinh doanh ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do quy đổi các tài sản và công nợ khác bằng ngoại tệ sang VNĐ được xử lý vào doanh số của các khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

### **1.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tạm ứng nộp thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc đã tạm ứng) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các báo cáo kê khai thuế TNDN của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.

### **1.11. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi ngắn hạn, có tính thanh khoản cao và các khoản đầu tư ngắn hạn có thể chuyển đổi thành lượng tiền xác định và đến hạn trong vòng ba tháng tính từ ngày 31 tháng 12.

## **2. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ**

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
Tiền mặt bằng VNĐ	1.974.064	1.197.486
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bằng ngoại tệ	998.316	1.045.614
Vàng	231.867	175.107
	<b>3.204.247</b>	<b>2.418.207</b>

### 3. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (“NHNN”)

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
Tiền gửi tại NHNN bằng VND	5.232.199	6.216.446
Tiền gửi tại NHNN bằng ngoại tệ	6.430.470	5.632.014
	<b>11.662.669</b>	<b>11.848.460</b>

Tiền gửi tại NHNN nhằm mục đích thanh toán và thực hiện dự trữ bắt buộc. Trong năm 2007, chỉ các khoản tiền gửi VNĐ trong phạm vi dự trữ bắt buộc và các khoản tiền gửi bằng ngoại tệ ngoài phạm vi dự trữ bắt buộc được hưởng lãi suất tương ứng là 1,20%/năm và 1,00%/năm.

Theo qui định của NHNN, Ngân hàng phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc, tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 10,00% và 4,00% (2006: 5,00% và 2,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng VNĐ có kỳ hạn dưới 12 tháng và từ 12 tháng đến 24 tháng; và 10,00% và 4,00% (năm 2006: 8,00% và 2,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng USD cho kỳ hạn dưới 12 tháng và từ 12 tháng đến 24 tháng. Theo đó, mức dự trữ bắt buộc (bằng VNĐ và ngoại tệ) trung bình trong tháng 12 năm 2007 là 7.226.222 triệu đồng (tháng 12 năm 2006: 6.201.664 triệu đồng).

Trong năm, Ngân hàng thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.

### 4. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác	2.267.931	1.804.381
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác	39.348.625	50.430.388
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	(18.995)	-
	<b>41.597.561</b>	<b>52.234.769</b>

#### 4.1. Tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
Tiền gửi KKH tại các TCTD trong nước bằng VNĐ	286.509	20.114
Tiền gửi KKH tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	26.740	-
Tiền gửi KKH tại các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ	1.767.109	1.591.948
Tiền gửi vốn chuyên dùng	187.573	192.319
	<b>2.267.931</b>	<b>1.804.381</b>

#### 4.2. Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác

	31/12/2007 triệu đồng
Tiền gửi CKH và cho vay các TCTD đến hạn trong vòng ba tháng	
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng VNĐ	7.864.000
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	2.770.709
Tiền gửi CKH tại các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ	17.381.643
Cho vay các TCTD bằng VNĐ	283.100
Cho vay các TCTD bằng ngoại tệ	185.311
Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền	28.484.763
Tiền gửi CKH và cho vay các TCTD đến hạn trên ba tháng	
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng VNĐ	1.941.000
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	229.625
Tiền gửi CKH tại các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ	5.212.359
Tiền gửi ký quỹ đảm bảo tại Ngân hàng Raiffeisen Zentralbank Österreich AG (RZB)	314.223
Tiền gửi CKH tại Ngân hàng UBS Singapore	2.417.000
Cho vay các TCTD bằng VNĐ	749.655
Cho vay các TCTD bằng ngoại tệ	-
	10.863.862
	<b>39.348.625</b>

#### 4.3. Dự phòng cho vay các TCTD khác

Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác là dự phòng chung đối với tổng dư nợ cho vay các TCTD khác tại ngày 30 tháng 11 năm 2007 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2007, mức dự phòng chung cho vay các TCTD đạt 100% so với mức phải trích lập đầy đủ (được tính bằng 0,75% trên tổng dư nợ cho vay các TCTD khác).

## 5. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
Phải thu từ cho thuê tài chính	978.743	1.101.111
Cho vay thương mại	96.499.588	66.584.181
Cho vay theo chỉ định của Chính phủ	-	3.240
Cho vay từ nguồn vốn ủy thác đầu tư	53.563	53.987
	<b>97.531.894</b>	<b>67.742.519</b>

Cho vay từ nguồn vốn ủy thác đầu tư bao gồm các khoản cho vay được tài trợ bởi các nguồn vốn ủy thác từ các chương trình phát triển chính phủ thông qua Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân hàng chỉ đóng vai trò là đại diện quản lý những nguồn vốn này. Theo đó, Ngân hàng không chịu bất kỳ rủi ro tín dụng nào liên quan đến khoản cho vay này theo như các điều khoản đã được quy định trong bản thoả thuận với nhà ủy thác và Bộ Tài chính. Những khoản cho vay mất khả năng thanh toán sẽ được thông báo lại cho các nhà ủy thác và Bộ Tài chính hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để có giải pháp xử lý.

### 5.1. Phân tích chất lượng dư nợ cho vay

	31/12/2007 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	92.309.211
Nợ cần chú ý	1.991.561
Nợ dưới tiêu chuẩn	901.417
Nợ nghi ngờ	669.911
Nợ có khả năng mất vốn	1.640.301
	<b>97.512.401</b>
Dư nợ cho vay của Công ty Vinafico	19.493
	<b>97.531.894</b>

### 5.2. Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2007 triệu đồng	%	31/12/2006 triệu đồng	%
Doanh nghiệp Nhà nước	47.123.489	48	26.346.515	39
Công ty trách nhiệm hữu hạn	14.132.512	15	14.402.055	21
Hợp tác xã và công ty tư nhân	2.715.917	3	2.235.136	3
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	11.675.679	12	9.380.333	14
Cá nhân	9.246.674	9	5.785.046	9
Các đối tượng khác	12.637.623	13	9.593.434	14
	<b>97.531.894</b>	<b>100</b>	<b>67.742.519</b>	<b>100</b>

### 5.3. Phân tích dư nợ cho vay theo các ngành kinh tế

	31/12/2007		31/12/2006	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Xây dựng	6.351.442	7	3.982.156	6
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	5.112.208	5	2.424.789	4
Sản xuất chế biến	37.569.013	38	23.152.644	34
Công nghiệp khai thác mỏ	9.271.668	10	1.734.095	3
Nông, lâm nghiệp và thuỷ hải sản	3.614.146	4	1.979.700	3
Giao thông	5.923.301	6	2.874.388	4
Thương mại và dịch vụ	18.560.451	19	17.484.141	26
Khách sạn và nhà hàng	3.305.780	3	1.680.267	2
Ngành khác	7.823.885	8	12.430.339	18
	<b>97.531.894</b>	<b>100</b>	<b>67.742.519</b>	<b>100</b>

### 6. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2007 và dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng cần phải trích lập theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng như sau:

	Dư nợ cho vay (*) triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng số dự phòng triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	87.581.962	-	656.865	656.865
Nợ cần chú ý	1.666.038	51.017	12.496	63.513
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.038.498	130.492	7.789	138.281
Nợ nghi ngờ	847.829	272.303	6.357	278.660
Nợ có khả năng mất vốn (**)	1.710.727	961.680	-	961.680
	<b>92.845.054</b>	<b>1.415.492</b>	<b>683.507</b>	<b>2.098.999</b>
Trích lập thêm chi phí dự phòng chung phần chênh lệch giữa số trên cân đối kế toán và số trên biên bản họp hội đồng xử lý rủi ro ngày 30 tháng 11 năm 2007	Không áp dụng	-	169	169
Dư nợ và dự phòng cho vay khách hàng của Công ty Tài chính Việt Nam Hồng Kông	19.493	6.100	994	7.094
	<b>92.864.547</b>	<b>1.421.592</b>	<b>684.670</b>	<b>2.106.262</b>
Các khoản bảo lãnh, cam kết cho vay và chấp nhận thanh toán	40.041.773	205.658	299.243	504.901
	<b>132.906.320</b>	<b>1.627.250</b>	<b>983.913</b>	<b>2.611.163</b>

(\*): Số dư vào ngày 30 tháng 11 năm 2007;

(\*\*): Không bao gồm số liệu của giá gốc và dự phòng tài sản xiết nợ tại ngày 30 tháng 11 năm 2007

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2006 và dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng cần phải trích lập theo Quyết định 493 và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng như sau:

	Dư nợ cho vay (*) triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng chung triệu đồng	Tổng số dự phòng triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	62.688.007	-	470.160	470.160
Nợ cần chú ý	5.475.925	188.120	41.069	229.189
Nợ dưới tiêu chuẩn	546.512	76.447	4.099	80.546
Nợ nghi ngờ	437.093	155.256	3.278	158.534
Nợ có khả năng mất vốn (**)	877.095	651.599	-	651.599
Số đã báo cáo	70.024.632	1.071.422	518.606	1.590.028
Dư nợ và dự phòng cho vay khách hàng của Công ty Tài chính Việt Nam Hồng Kông	53.304	5.377	538	5.915
Chênh lệch giữa bút toán hoàn nhập dự phòng giữa báo cáo hợp nhất và báo cáo Tổng của riêng ngân hàng theo VAS năm 2005		Không áp dụng	4.033	- 4.033
Tổng	70.077.936	1.080.832	519.144	1.599.976
Ảnh hưởng ròng của các điều chỉnh theo Biên bản thamic định các năm		Không áp dụng	1.161	- 1.161
Phân loại lại dự phòng chung và dự phòng cụ thể theo Biên bản thamic định năm 2006		Không áp dụng	(2.739)	2.739 -
Số trình bày lại	70.077.936	1.079.254	521.883	1.601.137
Các khoản bảo lãnh, cam kết cho vay và chấp nhận thanh toán	47.122.670	83.732	353.420	437.152
	<b>117.200.606</b>	<b>1.162.986</b>	<b>875.303</b>	<b>2.038.289</b>

(\*) Số dư vào ngày 30 tháng 11 năm 2006

(\*\*) Không bao gồm số liệu của giá gốc và dự phòng tài sản xiết nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

Tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2006, Ngân hàng đã trích lập đủ quỹ dự phòng cụ thể nhưng chưa trích lập đủ dự phòng chung cho vay khách hàng so với yêu cầu của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Tuy nhiên, Quyết định 493 cho phép Ngân hàng trích lập đủ dự phòng chung trong thời gian 5 năm kể từ năm 2005.

## 7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 bao gồm:

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 số trình bày lại triệu đồng
<b>Chứng khoán Nợ</b>		
Chứng khoán Chính phủ	2.118.585	335.962
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	100.069	160.071
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	161.541	-
<b>Chứng khoán Vốn</b>		
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	105.950	-
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	335.972	73.107
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(541)
	<b>2.822.117</b>	<b>568.599</b>

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá mua vào ngày mua. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, các chứng khoán này được đánh giá lại theo quy định tại công văn số 7459/NHNN-KTTC ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Thông tư 13/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, không có giảm giá trị nào đối với các chứng khoán này.

## 8. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 số trình bày lại triệu đồng
<b>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>		
<b>Chứng khoán Nợ</b>		
Chứng khoán Chính phủ	23.160.936	14.721.585
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	4.511.587	2.350.000
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	943.092	-
<b>Chứng khoán khác</b>		
Các khoản đầu tư ủy thác & tài sản ủy thác tại các TCTD nước ngoài	6.497.802	8.682.844
<b>Chứng khoán Vốn</b>		
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	-	35.771
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	-	122.630
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-
	<b>35.113.417</b>	<b>25.912.830</b>
<b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</b>		
<b>Chứng khoán Nợ</b>		
Chứng khoán Chính phủ	2.500.000	2.813.232
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	-	1.440.000
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	-	215.010
<b>Chứng khoán khác</b>		
Trái phiếu chuyển đổi do các TCTD trong nước phát hành	102.548	13.396
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	-	-
	<b>2.602.548</b>	<b>4.481.638</b>
	<b>37.715.965</b>	<b>30.394.468</b>

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua vào ngày mua. Vào ngày lập báo cáo tài chính, các chứng khoán này được đánh giá lại theo quy định tại công văn số 7459/NHNN-KTTC ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Thông tư 13/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, không có giảm giá trị nào đối với các chứng khoán này.

## 9. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	Đầu tư vào các công ty liên doanh triệu đồng	Đầu tư vào các công ty liên kết triệu đồng	Tổng triệu đồng
Số dư tại 1 tháng 1 năm 2007	424.507	63.210	487.717
Góp vốn bổ sung vào Shinhan Vina	80.560	-	80.560
Góp vốn vào công ty liên kết - Smartlink	-	4.400	4.400
Trừ: Cỗ tức nhận được trong năm	(49.222)	(24.692)	(73.914)
Phần chia sẻ lãi lỗ trong năm theo phương pháp vốn chủ sở hữu	55.318	16.132	71.450
Quỹ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của Ngân hàng liên doanh Shinhan Vina	15.529	-	15.529
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2007</b>	<b>526.692</b>	<b>59.050</b>	<b>585.742</b>

## 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

### 10.1. Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	cố định hữu hình khác	Tổng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007, số trình bày lại	569.489	1.137.048	142.615	114.875	1.964.027
Tăng trong năm	17.074	203.909	8.432	28.943	258.358
Thanh lý trong năm	(15.100)	(25.232)	(2.531)	(7.283)	(50.146)
Điều chỉnh	(28.014)	-	-	-	(28.014)
Phân loại lại tài sản từ "TSCĐ hữu hình khác" sang "Phương tiện vận tải"	-	-	(2.312)	2.312	-
Chênh lệch tỉ giá	444	183	-	5	632
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	543.893	1.315.908	146.204	138.852	2.144.857
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007, số trình bày lại	163.130	699.156	74.988	70.746	1.008.020
Tăng trong năm	30.495	269.440	18.748	16.445	335.128
Thanh lý trong năm	(8.854)	(24.833)	(2.413)	(6.297)	(42.397)
Điều chỉnh theo Biên bản thẩm định	134	(252)	-	(17)	(135)
Điều chỉnh khác	(8.099)	-	-	-	(8.099)
Phân loại lại tài sản từ "Máy móc thiết bị" và "TSCĐ hữu hình khác" sang "Phương tiện vận tải"	-	389	(482)	93	-
Chênh lệch tỉ giá	154	194	1	-	349
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	176.960	944.094	90.842	80.970	1.292.866
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007, số trình bày lại	406.359	437.892	67.627	44.129	956.007
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	366.933	371.814	55.362	57.882	851.991

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Máy móc thiết bị triệu đồng	Phương tiện vận tải triệu đồng	Tài sản cố định triệu đồng	Tổng số trình bày lại triệu đồng
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	532.776	904.371	130.335	98.809	1.666.291
Tăng trong năm	34.109	243.188	13.968	17.452	308.717
Điều chỉnh theo BBTĐ	1.002	88	-	56	1.146
Thanh lý trong năm	(2.603)	(12.320)	(1.696)	(1.463)	(18.082)
Chênh lệch tỷ giá	4.205	1.721	8	21	5.955
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, số trình bày lại	569.489	1.137.048	142.615	114.875	1.964.027
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	140.378	463.771	60.243	62.115	726.507
Điều chỉnh theo BBTĐ từ năm 2001 đến năm 2005	(590)	-	-	(24)	(614)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006, 139.788	463.771	60.243	62.091	725.893	
số trình bày lại					
Tăng trong năm	23.382	244.452	16.112	9.962	293.908
Điều chỉnh theo Biên bản thẩm định	149	296	-	152	597
Thanh lý trong năm	(1.534)	(12.382)	(1.581)	(1.690)	(17.187)
Chênh lệch tỷ giá	1.345	3.019	214	231	4.809
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, số trình bày lại	163.130	699.156	74.988	70.746	1.008.020
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	392.398	440.600	70.092	36.694	939.784
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, số trình bày lại	406.359	437.892	67.627	44.129	956.007

## 10.2. Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007, sổ trình bày lại	143.233	117.332	260.565
Tăng trong năm	10.673	47.692	58.365
Giảm trong năm	(2.187)	(69)	(2.256)
Chênh lệch tỉ giá	33	(1)	32
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	151.752	164.954	316.706
<b>Khấu hao luỹ kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007, sổ trình bày lại	8.060	98.594	106.654
Tăng trong năm	2.932	11.216	14.148
Giảm trong năm	(1.250)	(9)	(1.259)
Điều chỉnh	(9)	-	(9)
Chênh lệch tỉ giá	6	-	6
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	9.739	109.801	119.540
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2007, sổ trình bày lại	135.173	18.738	153.911
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007</b>	<b>142.013</b>	<b>55.153</b>	<b>197.166</b>

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 như sau:

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng số trình bày lại
	triệu đồng	triệu đồng	triệu đồng
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	117.242	79.360	196.602
Tăng trong năm	67.392	33.761	101.153
Điều chỉnh theo Biên bản thẩm định	(37.296)	-	(37.296)
Các khoản khác	(4.105)	4.211	106
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, số trình bày lại	143.233	117.332	260.565
<b>Khấu hao luỹ kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006, số trình bày lại	6.468	35.388	41.856
Tăng trong năm	1.489	19.712	21.201
Điều chỉnh theo Biên bản thẩm định	166	-	166
Các khoản khác	(63)	43.494	43.431
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, số trình bày lại	8.060	98.594	106.654
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	110.774	43.972	154.746
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, số trình bày lại	135.173	18.738	153.911

## 11. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

	31/12/2006 31/12/2007	số trình bày lại triệu đồng
<b>Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước</b>		
Tiền gửi KKH của KBNN trong nước bằng VNĐ	168.674	53.475
Tiền gửi KKH của KBNN trong nước bằng ngoại tệ	2.360.169	2.525.213
Tiền gửi không kỳ hạn của NHNN bằng ngoại tệ	8.487.374	8.334.699
<b>Các khoản vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>		
Vay theo chương trình hỗ trợ cho các nạn nhân thiên tai	15.508	15.508
Vay thanh toán công nợ của các DNHH	2.460	2.540
Vay thực hiện DA Hiện đại hóa HT Thanh toán của Ngân hàng	25.722	28.708
Vay NHNN có cầm cố bằng giấy tờ có giá	1.615.186	5.821.122
Các khoản vay khác	10.163	10.163
	<b>12.685.256</b>	<b>16.791.428</b>

## 12. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác	6.850.158	5.554.968
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác	11.089.652	6.615.605
	<b>17.939.810</b>	<b>12.170.573</b>

### 12.1. Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
Tiền gửi KKH của các TCTD trong nước bằng VND	2.571.918	1.238.621
Tiền gửi KKH của các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	4.156.943	4.207.397
Tiền gửi KKH của các TCTD nước ngoài bằng VND	1.759	2.350
Tiền gửi KKH của các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ	119.538	106.600
	<b>6.850.158</b>	<b>5.554.968</b>

### 12.2. Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng VND	8.044.500	3.040.600
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	2.252.153	3.137.305
Tiền gửi CKH của các TCTD nước ngoài bằng VND	430.000	420.000
Tiền gửi CKH của các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ	17.999	17.700
Tiền gửi của tổ chức tài chính theo các hợp đồng môi giới chứng khoán	345.000	-
	<b>11.089.652</b>	<b>6.615.605</b>

## 13. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2007 triệu đồng	31/12/2006 triệu đồng
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>72.645.901</b>	<b>47.980.536</b>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	31.615.117	20.969.543
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	253.371	151.817
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	40.333.925	26.432.712
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	443.488	426.464
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>64.666.381</b>	<b>61.349.203</b>
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	16.935.330	19.799.795
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	18.185.834	13.970.530
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4.874.142	1.835.210
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	24.671.075	25.743.668
<b>Tiền gửi vốn chuyên dùng</b>	<b>4.276.811</b>	<b>2.586.598</b>
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	2.449.284	1.109.392
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	1.827.527	1.477.206
	<b>141.589.093</b>	<b>111.916.337</b>

## 14. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2007	31/12/2006	
	số trình bày lại	số trình bày lại	
	triệu đồng	triệu đồng	
<b>Trái phiếu tăng vốn</b>	<b>1.374.606</b>	<b>1.373.105</b>	
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>1.812.483</b>	<b>5.925.190</b>	
Phát hành cho tổ chức	75.529	-	
Phát hành cho cá nhân	1.736.954	-	
<b>Kỳ phiếu và trái phiếu</b>	<b>33.969</b>	<b>1.480.488</b>	
Phát hành cho tổ chức	-	-	
Phát hành cho cá nhân	33.969	-	
	<b>3.221.058</b>	<b>8.778.783</b>	

Trái phiếu tăng vốn có kỳ hạn 7 năm và lãi suất cố định là 6,00%/năm, mức lãi suất này thấp hơn lãi suất thị trường của các trái phiếu thông thường. Ngân hàng phát hành trái phiếu tăng vốn cho phép người sở hữu trái phiếu có quyền mua cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng khi Ngân hàng phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Các trái phiếu này sẽ được quyền chuyển đổi sang cổ phiếu của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam theo mức giá trung bình thầu bình quân thành công thực tế trong đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng vào ngày 26 tháng 12 năm 2007. Trong quá trình IPO, Ngân hàng đã thực hiện chuyển đổi 13.469.407 trái phiếu tăng vốn (tương đương 98% tổng số trái phiếu tăng vốn Ngân hàng đã phát hành) thành 12.634.012 cổ phiếu. Số trái phiếu tăng vốn còn lại chuyển thành trái phiếu thường.

## 15. NGUỒN VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	31/12/2007	31/12/2006	
	số trình bày lại	số trình bày lại	
	triệu đồng	triệu đồng	
Vốn vay từ Raiffeisen Zentralbank Wsterreich AG	2.417.100	2.413.650	
Vốn nhận từ Quỹ Dự trữ Ngoại hối Quốc gia	54.047	53.149	
Vốn nhận trực tiếp từ Chính phủ	-	821	
Vốn nhận trực tiếp từ các tổ chức quốc tế	17	17	
	<b>2.471.164</b>	<b>2.467.637</b>	

## 16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI TRẢ

	31/12/2007	31/12/2006	
	số trình bày lại	số trình bày lại	
	triệu đồng	triệu đồng	
Thuế TNDN hiện hành phải trả cuối năm	338.211	100.812	
Thuế TNDN hoãn lại phải trả cuối năm	642	1.570	

## 17. VỐN VÀ CÁC QUÝ

### 17.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tổng vốn của Ngân hàng thể hiện bằng số tiền và tài sản mà Ngân hàng nhận được từ Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dưới dạng tiền, Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt và các tài sản khác. Vốn của Ngân hàng cũng được bổ sung từ quỹ bổ sung vốn điều lệ và các quỹ khác được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra, lãi nhận được từ Trái phiếu Chính phủ đặc biệt cũng được trực tiếp ghi tăng vốn theo Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 4 tháng 11 năm 2002 của Bộ Tài chính.

Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng trong năm 2006 và 2007 được thể hiện trong bảng dưới đây:

	Vốn điều lệ triệu đồng	Vốn khác triệu đồng	Tổng vốn triệu đồng
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, đã báo cáo	4.279.127	1.158.253	5.437.380
Tăng vốn bổ sung từ Quỹ Đầu tư và Phát triển	-	24.328	24.328
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, số trình bày lại	4.279.127	1.182.581	5.461.708
Tăng vốn do nhận lãi từ Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt	72.600	-	72.600
Tăng vốn từ việc thu hồi các khoản nợ nhóm 2 từ nguồn của Chính phủ	5.010	-	5.010
Các khoản khác	-	(1.754)	(1.754)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2006	4.356.737	1.180.827	5.537.564
Tăng vốn do nhận lãi từ Trái phiếu Chính phủ đặc biệt	72.600	-	72.600
Tăng vốn bổ sung từ Quỹ Đầu tư và Phát triển	-	75.910	75.910
Tăng vốn mua sắm theo Biên bản thẩm định của năm trước	-	1.529	1.529
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2007</b>	<b>4.429.337</b>	<b>1.258.266</b>	<b>5.687.603</b>

Trong năm 2007, vốn điều lệ của Ngân hàng đã được tăng lên, chi tiết như sau:

Ngày	Thông tư số	triệu đồng	Hình thức tăng vốn
04/06/2007	100/2002/TT-BTC	13.200	Thu lãi từ Trái phiếu Chính phủ đặc biệt
20/09/2007	100/2002/TT-BTC	33.000	Thu lãi từ Trái phiếu Chính phủ đặc biệt
18/11/2007	100/2002/TT-BTC	13.200	Thu lãi từ Trái phiếu Chính phủ đặc biệt
21/12/2007	100/2002/TT-BTC	13.200	Thu lãi từ Trái phiếu Chính phủ đặc biệt
<b>72.600</b>			

Ngày 26 tháng 12 năm 2007, Ngân hàng đã thực hiện bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) theo sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 26 tháng 09 năm 2007. Đợt đấu giá đã được thực hiện thành công với số lượng cổ phần bán ra là 94.339.714 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá đấu thành công bình quân thực tế là 107.512,7 đồng/cổ phiếu. Ngân hàng chưa hoàn tất các thủ tục chốt danh sách các nhà đầu tư thực hiện mua cổ phần, do vậy Ngân hàng chưa thực hiện hạch toán bất kỳ giao dịch nào liên quan đến đợt đấu giá cổ phần này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Ngân hàng cũng chưa nhận được bất kỳ văn bản pháp lý nào liên quan đến việc chuyển đổi hình thức sở hữu của Ngân hàng thành ngân hàng thương mại cổ phần và vì thế Ngân hàng vẫn tiếp tục duy trì cơ cấu và hình thức sở hữu giống như các năm trước.

## 17.2. Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

	Quỹ dự phòng tài chính triệu đồng	dự trữ bổ sung vốn điều lệ triệu đồng	Quỹ đầu tư phát triển triệu đồng	Quỹ khen thưởng phúc lợi triệu đồng	Quỹ Tổng số triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, số đã báo cáo	332.333	197.473	2.057.756	140.791	2.728.353
Ảnh hưởng ròng của các điều chỉnh theo biên bản thẩm định.	9.079	(2.675)	(9.672)	(30.256)	(33.524)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, số trình bày lại	341.412	194.798	2.048.084	110.535	2.694.829
Chuyển sang vốn khác	-	-	(24.328)	-	(24.328)
Phân loại từ lợi nhuận để lại của Ngân hàng liên doanh Shinhan	13.246	6.797	-	-	20.043
Tạm trích các quỹ cho năm 2006 của Ngân hàng	252.109	132.689	2.180.669	88.317	2.653.784
Tạm trích các quỹ của VCBS	3.920	-	-	11.161	15.081
Tăng các quỹ từ nguồn lợi nhuận để lại của VCBS (chuyển cho Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam với mục đích cấp vốn bổ sung cho công ty này)	-	15.300	52.173	-	67.473
Phân phối lại các quỹ do điều chỉnh lương trên lãi liên doanh năm 2005	(56)	(29)	(701)	200	(586)
Phân phối lại các quỹ do điều chỉnh lương trên lãi liên doanh năm 2006	(329)	(173)	(4.142)	1.180	(3.464)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	358	-	358
Sử dụng trong năm 2006 của Ngân hàng	(164)	-	(13.336)	(70.802)	(84.302)
Sử dụng trong năm của Công ty VCBS	-	(17.433)	-	(1.376)	(18.809)
Giảm trích quỹ do điều chỉnh lợi nhuận để lại năm 2005 từ khoản thuế chuyển quyền sử dụng đất	(107)	(56)	(960)	-	(1.123)
Phân phối quỹ của VCB Leasing năm 2005	-	-	198	(283)	(85)
Các khoản khác	2.345	2	-	3	2.350
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006</b>	<b>612.376</b>	<b>331.895</b>	<b>4.238.015</b>	<b>138.935</b>	<b>5.321.221</b>
Tạm trích lập các quỹ trong năm 2007 của Ngân hàng	204.467	107.691	1.714.527	125.677	2.152.362
Tạm trích các quỹ của Công ty VCBS	10.380	16.328	26.982	50.110	103.800
Tạm trích các quỹ của Công ty	-	-	-	72	72
TNHH Cao ốc Vietcombank					
Điều chuyển tăng nguồn vốn khác	-	-	(75.910)	-	(75.910)
Sử dụng trong năm 2007 của Ngân hàng	(3.752)	-	-	(127.954)	(131.706)

Sử dụng trong năm 2007 của Công ty Chứng khoán VCBS	(7.189)	-	-	(56.370)	(63.559)
Sử dụng trong năm 2007 của Công ty VCB-AMC	-	-	-	(23)	(23)
Phân phối quỹ trong năm của Công ty Vietcombank Leasing	-	-	-	32	32
Tăng do chênh lệch tỷ giá	-	-	38	-	38
Phân phối quỹ do điều chỉnh lãi VAXUCO năm 1995, 1996	3.041	1.520	25.846	-	30.407
Các khoản khác	1	-	3	6.684	6.688
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007</b>	<b>819.324</b>	<b>457.434</b>	<b>5.929.501</b>	<b>137.163</b>	<b>7.343.422</b>

## 18. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	31/12/2006	số trình bày lại
	31/12/2007	triệu đồng
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	7.072.918	5.132.137
Thu nhập lãi tiền gửi	2.063.175	2.242.368
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	115.490	107.818
Thu nhập lãi từ đầu tư vào tín phiếu Kho bạc, trái phiếu và các chứng khoán khác	2.137.472	1.607.287
	<b>11.389.055</b>	<b>9.089.610</b>

## 19. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	31/12/2006	số trình bày lại
	31/12/2007	triệu đồng
Chi phí lãi tiền gửi khách hàng	6.688.958	4.682.008
Chi phí lãi tiền vay	177.493	144.343
Chi phí lãi từ phát hành giấy tờ có giá	422.729	446.474
	<b>7.289.180</b>	<b>5.272.825</b>

## 20. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thuần thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	31/12/2006	số trình bày lại
	31/12/2007	triệu đồng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3.204.247	2.418.207
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	11.662.669	11.848.460
Tài khoản thanh toán tại các TCTD khác	2.080.358	1.612.062
Chứng khoán đáo hạn trong vòng ba tháng	4.481.294	3.717.140
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác đến hạn trong vòng ba tháng	28.484.763	38.966.042
	<b>49.913.331</b>	<b>58.561.911</b>

## 21. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết vào ngày 31 tháng 12 như sau:

	31/12/2007			31/12/2006		
	Quá hạn triệu đồng	Trong hạn triệu đồng	Tổng số triệu đồng	Quá hạn triệu đồng	Trong hạn triệu đồng	Tổng số triệu đồng
<b>Các khoản bảo lãnh</b>						
Bảo lãnh tài chính	- 39.777.118	39.777.118		- 26.021.012	26.021.012	
Thư tín dụng trả ngay	- 662	662		- 660	660	
Thư tín dụng trả chậm	- 1.008.306	1.008.306		- 1.765.473	1.765.473	
Cam kết cho vay chưa giải ngân không thể hủy ngang	- 45.038.952	45.038.952		- 33.505.945	33.505.945	
	<b>- 85.825.038</b>	<b>85.825.038</b>		<b>- 61.293.090</b>	<b>61.293.090</b>	

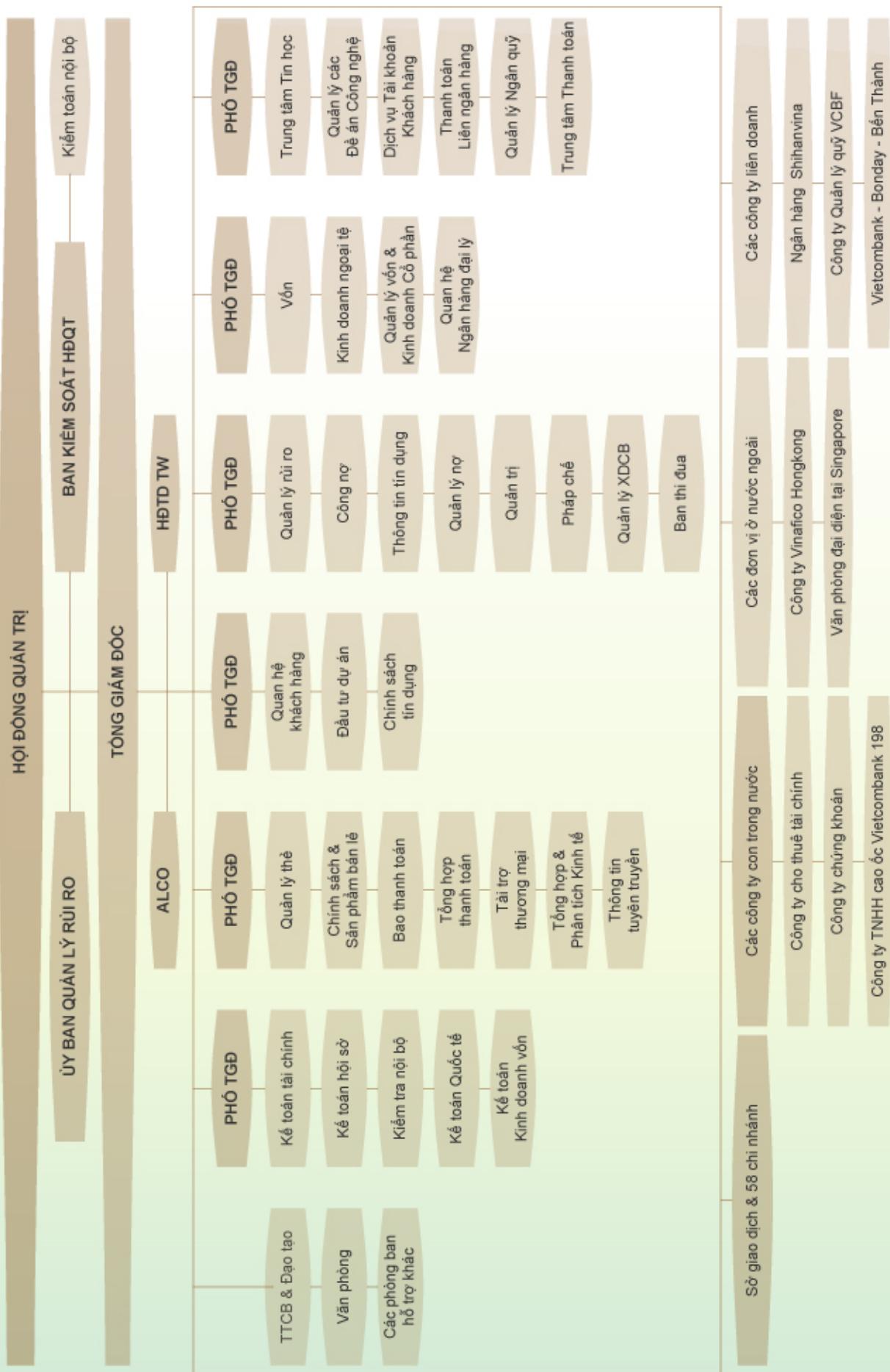
## 22. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Ngân hàng đã chốt kết quả đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng thực hiện vào ngày 26 tháng 12 năm 2007. Tổng số cổ phần được phát hành là 94.339.714 cổ phiếu.

Vào ngày 2 tháng 6 năm 2008, Ngân hàng đã thực hiện các thủ tục chuyển đổi sang hình thức ngân hàng thương mại cổ phần theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng Thương mại Cổ phần số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 và theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103024468 ngày 2 tháng 6 năm 2008.

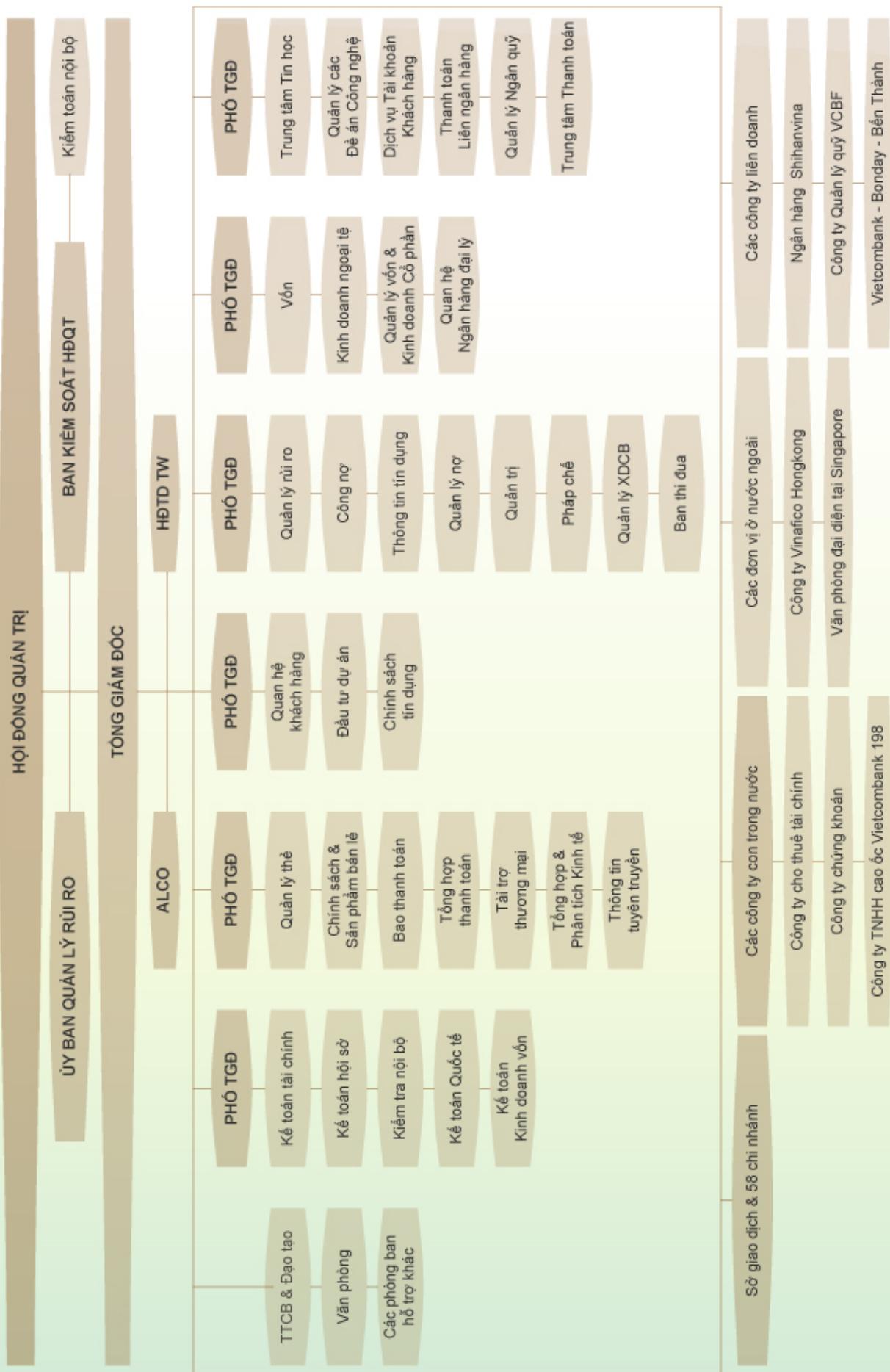


MÔ HÌNH TỔ CHỨC NGÂN HÀNG NGOAI THƯƠNG VIỆT NAM





MÔ HÌNH TỔ CHỨC NGÂN HÀNG NGOAI THƯƠNG VIỆT NAM



**Dietcombank**

Hướng tới tương lai | Dâng trào hi vọng

## CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CHO NĂM 2008

### CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 2008 ĐƯỢC NGÂN HÀNG XÁC ĐỊNH NHƯ SAU:

▶ Tổng tài sản	211.000 tỷ VND
▶ Tổng nguồn vốn chủ sở hữu bình quân	15.500 tỷ VND
▶ Tốc độ tăng huy động vốn từ nền kinh tế	>9%
▶ Tốc độ tăng dư nợ tín dụng	29%
▶ Tỉ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	2,6%
Trong đó, nợ xấu	1,3%
▶ Lợi nhuận trước thuế	3.383 tỷ VND
▶ CAR	>12%
▶ ROE	~16%
▶ ROA	1,2%
▶ Tỷ lệ chia cổ tức	>12%

## PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 2008:

### 1. Hoàn thiện công tác cổ phần hóa với các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- 1.1 Cụ thể hoá "Tầm nhìn" thông qua việc hoạch định Chiến lược phát triển ngân hàng và các giải pháp thực hiện từ năm 2008 - 2015.
- 1.2 Xây dựng và hoàn thiện thể chế pháp lý đối với Ngân hàng TMCP Ngoại thương bao gồm: điều lệ, mô hình tổ chức, bộ máy quản lý điều hành, định hướng phát triển tập đoàn. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu và tiến hành các thủ tục pháp lý để chuyển đổi sang NHTMCP.
- 1.3 Tiếp tục lựa chọn và bán cổ phần cho các nhà đầu tư chiến lược trong nước và nước ngoài.
- 1.4 Thực hiện việc niêm yết cổ phiếu NHTMCP Ngoại thương tại Sở Giao dịch chứng khoán HCM.

### 2. Tăng cường công tác quản trị điều hành:

- 2.1 Hoàn thiện mô hình tổ chức, cơ chế quản lý kinh doanh theo mô hình khối (bán buôn, bán lẻ, kinh doanh vốn) đối với hoạt động ngân hàng thương mại.
- 2.2 Hoàn thiện các quy chế quản lý hoạt động, quy trình tác nghiệp phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam, từng bước đáp ứng các chuẩn mực quốc tế.
- 2.3 Thiết lập hệ thống đo lường, kiểm tra và giám sát chất lượng hiệu quả kinh doanh ở từng cấp, xác định rõ trách nhiệm từ cấp quản lý đến cán bộ tác nghiệp. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực một cách hiệu quả, hợp lý. Xây dựng cơ chế khuyến khích người lao động phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam bao gồm cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi miễn, lương, phụ cấp, thưởng, quyền mua cổ phiếu.



### 3. Các giải pháp cụ thể:

- 3.1 Định hướng phát triển hoạt động ngân hàng trên các lĩnh vực chính: (i) Ngân hàng thương mại, đặc biệt là ngân hàng bán lẻ, (ii) Ngân hàng đầu tư; (iii) Các dịch vụ tài chính và phi tài chính khác.
- 3.2 Tiếp tục củng cố và mở rộng mạng lưới khách hàng, tăng cường công tác marketing, chăm sóc khách hàng, thiết kế các gói sản phẩm, dịch vụ thích hợp để duy trì khách hàng cũ, thu hút khách hàng mới, đa dạng hóa đối tượng khách hàng.
- 3.3 Nâng cấp hệ thống công nghệ phù hợp xu hướng phát triển công nghệ và phát triển kinh doanh của ngân hàng. Xây dựng mô hình chuẩn về cơ sở hạ tầng công nghệ cho toàn hệ thống. Tăng cường khả năng bảo mật của hệ thống, giảm thiểu nguy cơ rủi ro hệ thống, đưa vào vận hành Trung tâm dự phòng.
- 3.4 Đẩy mạnh và đa dạng hóa hoạt động đầu tư, góp vốn liên doanh, liên kết, thành lập các công ty thành viên. Tập trung đầu tư vào các định chế tài chính và các tổ chức kinh tế có triển vọng phát triển và hiệu quả cao trong kinh doanh để mở rộng hoạt động và tầm ảnh hưởng của Ngân hàng Ngoại thương.
- 3.5 Nỗ lực duy trì thị phần trong các mảng hoạt động truyền thống của Ngân hàng trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt của thị trường. Tăng cường các giải pháp huy động vốn, đặc biệt vốn ngoại tệ và vốn trung dài hạn. Nâng cao chất lượng tín dụng, đổi mới chính sách giá/lãi suất nhằm tăng tính cạnh tranh và hiệu quả sử dụng vốn.
- 3.6 Tiếp tục mở rộng và phát triển mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch. Mục tiêu trong năm 2008 sẽ mở mới thêm 6 chi nhánh và 60 phòng giao dịch.
- 3.7 Xây dựng phương án cổ phần hóa các công ty trực thuộc (VCBS, Công ty Cho thuê Tài chính...) nhằm tăng cường năng lực tài chính và tạo cơ chế linh hoạt, tự chủ cho các công ty này trong hoạt động kinh doanh của mình, phù hợp với xu hướng phát triển chung của thị trường.

# NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM VỚI TIẾN TRÌNH CỔ PHẦN HOÁ

## CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG:

- 21/09/2005, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 230/2005/QĐ-TTg v/v thí điểm cổ phần hoá Vietcombank.
- 05/07/2006, Ban chỉ đạo cổ phần hoá Vietcombank ký thông báo số 351/TB-BCĐ v/v Vietcombank tiến hành đàm phán lựa chọn tư vấn tài chính quốc tế cổ phần hoá Vietcombank.
- 26/01/2007, Credit Suisse được chọn là tổ chức tư vấn cổ phần hoá Vietcombank.
- 12/02/2007, Vietcombank và Credit Suisse ký hợp đồng tư vấn tài chính tại Hà Nội.
- 26/09/2007, Quyết định số 1289/QĐ-TTg do Phó thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng ký v/v phê duyệt phương án cổ phần hoá Vietcombank.
- 09/11/2007, Phó thủ tướng Nguyễn Sinh Hùng ký công văn số 1693/TTg-ĐMDN v/v Vietcombank thực hiện bán cổ phần lần đầu trong năm 2007.
- 26/12/2007, Vietcombank chào bán thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng với tổng số cổ phần chào bán là 6,5% vốn điều lệ, tương đương 97.500.000 cổ phần thông qua Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

## KẾT QUẢ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG:

### Cổ phần chào bán:

- Tổng số cổ phần chào bán: 97.500.000 CP.
- Tổng số cổ phần bán được thực tế: 94.319.274 CP (đạt tỷ lệ 96,74%).
- Tổng số tiền thu được thực tế: 10.146.182.246.500 VND.
- Giá bình quân thực tế: 107.572,70 VND/CP

### Phát hành từ chuyển đổi Trái phiếu tăng vốn Vietcombank 2005:

- Giá chuyển đổi: 107.572,70 VND/CP
- Tổng số cổ phần bán từ chuyển đổi trái phiếu: 12.634.012 CP.
- Tổng số tiền thu được: 1.359.074.782.830 VND.

### Phát hành từ bán cổ phiếu theo giá ưu đãi cho cán bộ công nhân viên:

- Giá bán ưu đãi: 64.543,62 VND/CP
- Tổng số cổ phần bán theo giá ưu đãi: 5.311.700 CP.
- Tổng số tiền thu được: 342.836.346.354 VND
- Tổng số cổ phần bán được qua đợt IPO này là 112.264.986 CP, với tổng số tiền thu được là 11.848.093.375.684 VND.

Sau một thời gian dài chuẩn bị, ngày 26/12/2007, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam đã chính thức phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Sự kiện này đã thu hút sự chú ý của cộng đồng tài chính trong nước và quốc tế trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng trải qua rất nhiều biến động trong năm vừa qua như lạm phát tăng cao, sự phát triển chậm lại của nền kinh tế...

Là ngân hàng thương mại quốc doanh đầu tiên được cổ phần hóa, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo, từ Thủ tướng Chính phủ đến Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan. Lần đầu tiên tại Việt Nam, việc cổ phần hóa một doanh nghiệp Nhà nước được áp dụng các thông lệ quốc tế. Đây được đánh giá là một trong những sự kiện quan trọng nhất của ngành tài chính ngân hàng trong năm 2007 cũng như một trong số những đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng quan trọng nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tuy nhiên, cũng có không ít khó khăn đối với Ngân hàng do những hạn chế về cơ sở pháp lý trong cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, những vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai vượt ngoài tầm giải quyết của Ngân hàng trong việc chọn nhà tư vấn quốc tế, nhà đầu tư chiến lược nước ngoài cũng như các bước cụ thể trong quá trình cổ

phần hóa và chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Đặc biệt, sự biến động của thị trường chứng khoán trong năm 2007 đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự quan tâm của nhà đầu tư đến cổ phiếu của Vietcombank.

Với bề dày 45 năm kinh nghiệm hoạt động của một ngân hàng thương mại hàng đầu, Ngân hàng Ngoại thương đã chuẩn bị những bước đi cần thiết cho sự kiện trọng đại này, mở ra một chương mới trong lịch sử phát triển của Ngân hàng, hướng tới tầm nhìn phát triển Vietcombank thành một Tập đoàn đầu tư tài chính ngân hàng đa năng trên cơ sở áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất, duy trì vai trò chủ đạo tại Việt Nam và trở thành 1 trong 70 định chế tài chính hàng đầu châu Á (ngoài Nhật Bản) vào năm 2015 – 2020. Bên cạnh hoạt động lõi là dịch vụ tài chính, bao gồm ngân hàng bán buôn, bán lẻ, ngân hàng đầu tư và bảo hiểm, Ngân hàng Ngoại thương sẽ mở rộng ra các hoạt động phi tài chính như kinh doanh đầu tư bất động sản, đầu tư xây dựng và phát triển các dự án kết cấu hạ tầng...

Bước sang năm 2008, Ngân hàng Ngoại thương sẽ chuyển mình thành ngân hàng thương mại cổ phần có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam. Ngân hàng đang nỗ lực chuẩn bị cho các sự kiện phía trước như niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, đàm phán lựa chọn nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và xây dựng mô hình doanh nghiệp theo hướng Tập đoàn đầu tư tài chính theo chỉ đạo của Chính phủ.

**Dietcombank**

Vững vàng tiến bước | Thủ thách vượt qua

# HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM NĂM 2007

Kinh tế Việt Nam trong năm 2007 đạt tốc độ tăng trưởng 8,44%, cao nhất trong 10 năm qua. Hoạt động xuất nhập khẩu cũng tăng mạnh với giá trị xuất khẩu đạt 48,4 tỷ USD, tăng 20,5%; giá trị nhập khẩu đạt 60,8 tỷ USD, tăng 33,1% so với năm 2006. Sức hút của Việt Nam đối với các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục tăng, thể hiện ở kỷ lục mới về lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và nguồn vốn ODA, đạt tương ứng 20,3 tỷ (tăng 70%) và 5,4 tỷ USD (tăng 20%). Những nhân tố trên đã tạo đà cho sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động ngân hàng trong năm 2007. Tuy nhiên, trong năm qua các ngân hàng cũng phải đổi mới với không ít thách thức như thị trường chứng khoán, bất động sản, vàng biến động bất thường; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng mạnh (12,6%) với sự tăng giá đột biến của nhiều mặt hàng như lương thực - thực phẩm, xăng dầu, sắt thép...; giá đô la Mỹ trên thị trường thế giới giảm sút.

Trong năm qua, các tổ chức tín dụng đã thực sự bước vào cuộc cạnh tranh gay gắt. Hàng loạt các ngân hàng thương mại cổ phần đã phát triển đột phá về quy mô hoạt động cũng như năng lực cạnh tranh với nhiều biện pháp như tăng vốn chủ sở hữu, phát triển sản phẩm mới, phát triển mạng lưới, nâng cao chất



lượng dịch vụ, đổi mới trang thiết bị, nâng cấp công nghệ. Các tập đoàn, tổ chức kinh tế lớn cũng ráo riết hoàn thiện hồ sơ xin thành lập ngân hàng cổ phần.

Trong bối cảnh thuận lợi và khó khăn đan xen, Ngân hàng Ngoại thương đã nỗ lực hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh, giữ được nhịp độ tăng trưởng ổn định và duy trì vị trí ngân hàng thương mại nhà nước hoạt động hiệu quả nhất. Tổng tài sản của Ngân hàng Ngoại thương đạt 197.408 tỷ đồng, tăng 18,1% so với năm 2006. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong năm 2007 đạt 4.136 tỷ đồng, tăng 10,3% so với năm 2006. Lợi nhuận sau thuế của NHNT là 2.407 tỷ đồng. ROAA đạt 1,44% và ROAE đạt 21,21%. Thu từ lãi đạt

11.389 tỷ (tăng 25,3%), thu ngoài lãi đạt 1.663 tỷ (tăng 36%).

Tháng 2/2007, lần đầu tiên Ngân hàng Ngoại thương được Standard & Poor's Ratings Services (S&P) chính thức xếp hạng quốc tế ở mức BB/B, triển vọng ổn định và năng lực nội tại ở mức D. Đây là mức xếp hạng cao nhất của S&P đối với một định chế tài chính Việt Nam. Tiếp đó, tháng 05/2007, Công ty xếp hạng quốc tế Fitch Ratings cũng đã nâng mức xếp hạng cá nhân (Individual) của Ngân hàng Ngoại thương lên mức D từ D/E, cao nhất trong số các ngân hàng Việt Nam căn cứ theo những kết quả khả quan về việc làm sạch bảng tổng kết tài sản, tái cơ cấu nguồn vốn chủ sở hữu và mở rộng các hoạt động thương mại của ngân hàng.

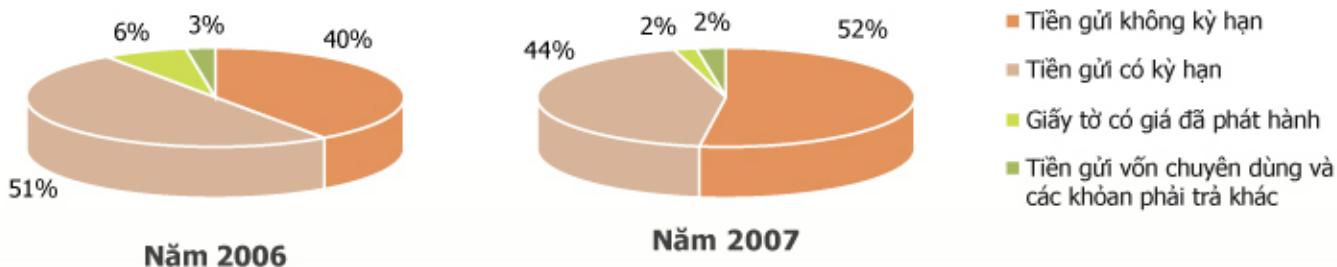
Ngày 26/12/2007, Ngân hàng Ngoại thương đã phát hành thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO). Sự kiện này là dấu ấn quan trọng trong tiến trình phát triển của Ngân hàng Ngoại thương, đồng nghĩa với việc Ngân hàng Ngoại thương đang chuyển mình hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động, tăng cường sức cạnh tranh, sẵn sàng cho việc hội nhập với hệ thống tài chính khu vực và thế giới.

## 1. HUY ĐỘNG VỐN

Những biến động của thị trường tài chính tiền tệ năm 2007 đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động huy động vốn của Ngân hàng Ngoại thương – ngân hàng có tỷ lệ huy động vốn ngoại tệ cao nhất trong các ngân hàng thương mại Việt Nam. Thứ nhất, cạnh tranh giữa các ngân hàng thương mại ngày càng trở nên gay gắt với việc mở rộng quy mô hoạt động, tăng lãi suất huy động, triển khai hàng loạt sản phẩm mới, các chương trình khuyến mại rầm rộ để thu hút khách hàng. Thứ hai, hoạt động huy động USD gặp nhiều khó khăn, nhất là từ dân cư, do lãi suất USD có xu hướng giảm vì Cục Dự trữ Liên bang Mỹ liên tục cắt giảm lãi suất trong khi tỷ giá bất lợi cho người giữ tiền do USD mất giá.

Kết thúc năm 2007, Ngân hàng Ngoại thương đã thu hút được 175.436 tỷ quy đồng, tăng 17,2% so với năm 2006. Vốn huy động từ các tổ chức kinh tế và dân cư đạt 144.810 tỷ quy đồng, chiếm 82,5% so với tổng vốn huy động. Vốn huy động VND đạt 71.975 tỷ đồng, vốn huy động ngoại tệ đạt 72.150 tỷ quy đồng, tăng 29% so với năm ngoái.

### Cơ cấu huy động vốn theo kỳ hạn

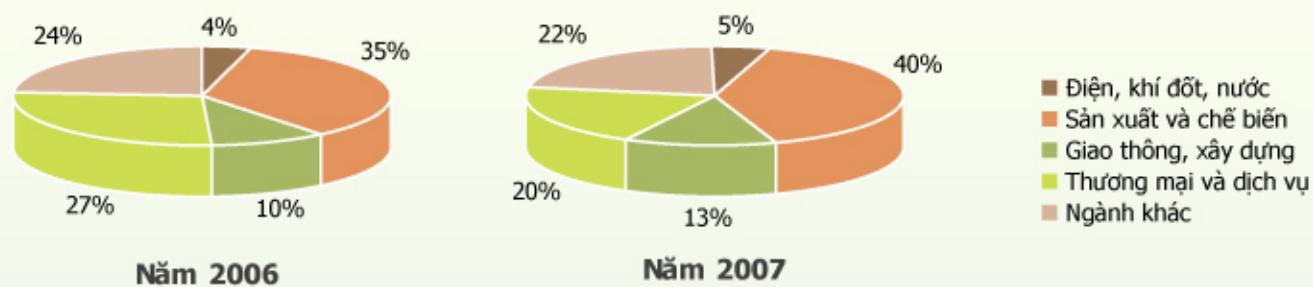


Đến cuối năm 2007, vốn chủ sở hữu của Ngân hàng Ngoại thương đạt 13.552 tỷ đồng, tăng 20,7% so với năm 2006, duy trì tỷ lệ an toàn vốn ở mức 12,25 %.

## 2. HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

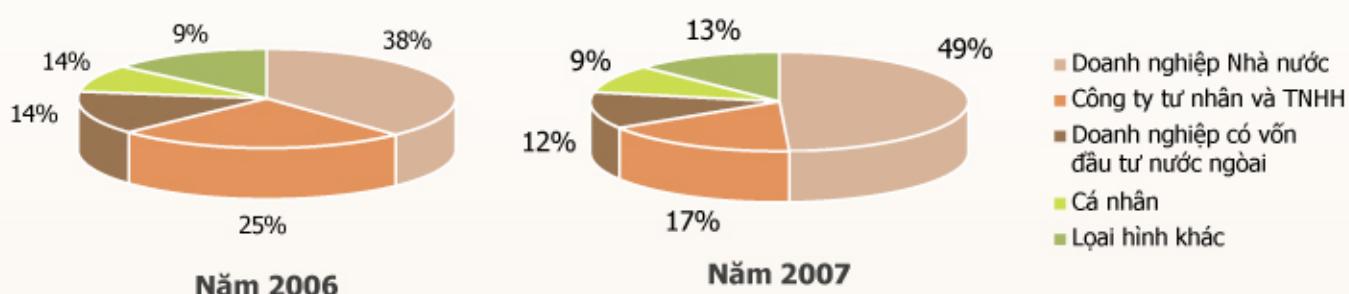
Hoạt động tín dụng của Ngân hàng Ngoại thương trong năm 2007 khá thuận lợi. Tỷ trọng sử dụng vốn cho tín dụng tăng từ 39% vào cuối năm 2006 lên đến 49% tại 31/12/2007. Tổng dư nợ tín dụng của Ngân hàng Ngoại thương tại cuối năm 2007 đạt 97.532 tỷ quy đồng, tăng 44% so với năm 2006. Dư nợ cho vay trung dài hạn tăng 53,5% so với cuối năm trước, đạt 45.854 tỷ đồng và chiếm 47% tổng dư nợ cho vay. Cho vay ngắn hạn có số dư 51.678 tỷ đồng, tăng 36,4% so với năm 2006.

### Cơ cấu dư nợ tín dụng theo ngành



Tại ngày 30/11/2007, nợ nhóm 1 của Ngân hàng Ngoại thương có tỷ trọng 94,33%, nhóm 2 chiếm 1,8% và nhóm nợ xấu (nhóm 3- 5) được kiểm soát ở mức 3,87% tổng dư nợ. So với tỷ lệ 2,66% vào cuối năm trước, tỷ lệ nợ xấu năm nay tăng thêm 1,21% chủ yếu là do việc phân loại nợ được tiến hành theo quy định sửa đổi chặt chẽ hơn của Ngân hàng Nhà nước. Việc trích lập dự phòng chung và dự phòng cụ thể cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương được thực hiện triệt để theo Quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tính đến 31/12/2007, Ngân hàng Ngoại thương đã trích đủ 100% dự phòng rủi ro theo quy định của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Số dự phòng rủi ro đã sử dụng trong năm để xử lý nợ là 298 tỷ đồng. Sau xử lý bằng dự phòng, việc theo dõi, xây dựng và thực thi phương án thu hồi nợ của từng khách hàng được thực hiện với kết quả tốt. Riêng trong năm 2007, thu từ các khoản nợ đã xử lý bằng nguồn dự phòng là 392,8 tỷ đồng.

### Cơ cấu dư nợ tín dụng theo đối tượng vay



## 3. THANH TOÁN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ KINH DOANH VỐN

### 3.1. Thanh toán xuất nhập khẩu và chuyển tiền

Trong bối cảnh thị trường ngày càng có nhiều ngân hàng tham gia với các chính sách cạnh tranh nhằm thu hút khách hàng, doanh số thanh toán xuất nhập khẩu qua Ngân hàng Ngoại thương vẫn được duy trì ở mức cao, tiếp tục khẳng định vị trí là ngân hàng thanh toán xuất nhập khẩu hàng đầu tại Việt Nam.

Doanh số thanh toán	Giá trị 2007 (triệu USD)	Tăng so với 2006 (triệu USD)	Thị phần %
Xuất khẩu	14.163	1.463	11,5%
Nhập khẩu	12.160	2.060	20,4%
Tổng thanh toán xuất nhập khẩu	26.323	3.523	24,1%

Về hoạt động chuyển tiền, doanh số chuyển tiền của Ngân hàng Ngoại thương trong năm 2007 đạt 20,9 tỷ USD. Chuyển tiền đến đạt doanh số 13,9 tỷ USD, tăng 2,1 tỷ USD so với năm trước; trong đó doanh số chuyển tiền đến cho đối tượng cá nhân đạt 1,2 tỷ USD, tăng 0,3 tỷ USD, nhờ kết quả hợp tác với các công ty chuyển tiền và ngân hàng đại lý ở nước ngoài. Chuyển tiền đi của tất cả các đối tượng đạt 7 tỷ USD, tăng 1,5 tỷ USD so với năm 2006.

### 3.2. Kinh doanh thẻ



Trong năm 2007, 20.842 thẻ tín dụng quốc tế và 892.145 thẻ ghi nợ đã được phát hành, tăng tương ứng 118% và 50,8% so với năm 2006, đưa thị phần thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ của Ngân hàng Ngoại thương phát hành tương ứng là 19,3% và 27,5%.

Doanh số sử dụng thẻ tín dụng quốc tế do Ngân hàng Ngoại thương phát hành tăng 34,1% và chiếm 26% thị phần của cả nước. Doanh số sử dụng thẻ ghi nợ tăng 62,4% so với năm 2006.

Doanh số thanh toán qua hệ thống POS của Ngân hàng Ngoại thương đổi với các loại thẻ tín dụng quốc tế do tổ chức khác phát hành tăng 66,4 triệu USD (17,2%) so với năm 2006, chiếm 57,6% thị phần của cả nước.

Mạng lưới ATM được mở rộng với 385 máy ATM lắp đặt mới trong năm 2007, nâng tổng số ATM của Vietcombank lên 1.090 máy, tạo điều kiện cho khách hàng sử dụng thẻ ATM và tăng cường các dịch vụ gia tăng tiện ích như thanh toán billing với các đối tác cung cấp dịch vụ bảo hiểm, điện lực, bưu điện và các công ty viễn thông. Đồng thời, Ngân hàng Ngoại thương đã hoàn thành kết nối với 17 ngân hàng đại lý trong số 25 thành viên của liên minh thẻ Vietcombank. Hoạt động của liên minh thẻ Vietcombank luôn được duy trì ổn định, đảm bảo độ an toàn và tin cậy cao cho các giao dịch thẻ.

### 3.3. Kinh doanh ngoại tệ

Tỷ giá ngoại tệ trong năm 2007 có nhiều biến động lớn. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ đã 3 lần cắt giảm lãi suất trong năm từ 5,25% xuống còn 4,25%/năm làm cho đồng USD mất giá mạnh so với các đồng tiền chủ chốt và cả so với VND. Thị trường trong nước có hiện tượng dư thừa USD với khối lượng lớn do dòng vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp cũng như lượng kiều hối từ nước ngoài đổ vào Việt Nam tăng mạnh. Bám sát diễn biến thị trường quốc tế và trong nước, Ngân hàng Ngoại thương đã linh hoạt thay đổi lãi suất huy động USD và điều chỉnh tỷ giá mua, áp dụng các biện pháp điều tiết mua ngoại tệ của hệ thống một cách hợp lý để hạn chế rủi ro. Kết thúc năm 2007, tổng doanh số mua bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương đạt 26,1 tỷ USD; lợi nhuận từ kinh doanh ngoại tệ đạt 354 tỷ đồng, tăng 29,6% so với năm 2006.

## 4. DỊCH VỤ NGÂN HÀNG BÁN LẺ



Trong năm qua, Ngân hàng Ngoại thương tiếp tục đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiếp cận trực tiếp nhu cầu

của khách hàng, đẩy mạnh công tác truyền thông quảng cáo, giảm thiểu và chuẩn hóa các quy trình thủ tục. Hàng loạt các sản phẩm, dịch vụ mới được đưa vào thử nghiệm với những kết quả bước đầu rất đáng khích lệ như SMS banking, dịch vụ quản lý tài khoản tiền đầu tư chứng khoán cho khách hàng cá nhân, dịch vụ thanh toán vé máy bay, mua tour du lịch qua internet, cho vay trả góp mua nhà dự án, mua ô tô, cho vay tín chấp và các sản phẩm huy động vốn đa dạng. Số tài khoản cá nhân mở tại Ngân hàng Ngoại thương tại 31/12/2007 đạt gần 2 triệu tài khoản, tăng 38% so với cùng kỳ năm trước. Tổng số dư tài khoản tiền gửi thanh toán của cá nhân đạt 8.700 tỷ quy đồng, tăng 2,3 lần so với cuối năm 2006. Huy động vốn từ khách hàng cá nhân đạt 54.876 tỷ quy đồng, dư nợ cho vay khách hàng cá nhân đạt 9.159 tỷ quy đồng, tăng tương ứng 9% và 58,3% so với năm 2006.

Ngân hàng Ngoại thương đã chủ động tiếp cận các cơ quan, doanh nghiệp để giới thiệu, cung cấp dịch vụ trả lương cho các cán bộ công chức, viên chức qua tài khoản. Tính đến cuối năm 2007, đã có 4.000 cơ quan, doanh nghiệp trả lương qua hệ thống Ngân hàng Ngoại thương với số lượng tài khoản nhận lương lên tới 700.000.

## 5. PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Đầu tư vào công nghệ của Ngân hàng Ngoại thương được đẩy mạnh về chiều sâu theo các hướng: (i) Tập trung hóa các hệ thống xử lý



tác nghiệp; (ii) Phát triển các chương trình ứng dụng cung cấp sản phẩm mới trên nền tảng công nghệ hiện đại như ebank, internet banking, SMS banking, kết nối trực tuyến với các công ty chứng khoán, cung cấp dịch vụ thanh toán cho các giao dịch thương mại điện tử...; (iii) Triển khai hiện đại hoá hệ thống công nghệ tại công ty Vinafico. Bên cạnh đó, các giải pháp và hệ thống hỗ trợ quản trị ngân hàng như quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính, xây dựng trung tâm dự phòng cũng được đầu tư thích đáng.

## 6. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Với tư cách là thành viên Việt Nam duy nhất tham gia HĐQT Hiệp hội Ngân hàng Châu Á (ABA) và là đồng Chủ tịch Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam – EU (VEUBF), Ngân hàng Ngoại thương đã tích cực tham gia các hoạt động của các tổ chức này trong năm 2007. Ngân hàng Ngoại thương đã góp phần tổ chức thành công các hội thảo về quản trị doanh nghiệp, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, quản trị nguồn nhân lực, tạo tiếng

vang trong cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan quản lý cũng như quảng bá các cơ hội hợp tác đầu tư, chuẩn bị cho cổ phần hóa Ngân hàng Ngoại thương.

Ngoài ra, nhiều thỏa thuận, hợp đồng hợp tác với các ngân hàng đại lý, tổ chức thẻ quốc tế, các tổ chức tài chính quốc tế (IMF, ADB, JBIC, GTZ...) đã được ký kết. Tính đến cuối năm 2007, mạng lưới ngân hàng đại lý của Ngân hàng Ngoại thương bao gồm trên 1.300 ngân hàng tại 85 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Hình ảnh và thương hiệu của Ngân hàng Ngoại thương cũng được quảng bá mạnh hơn trong năm 2007 với các danh hiệu đạt được như Top 10 Doanh nghiệp tiêu biểu lớn nhất do báo Thế giới và Việt Nam thuộc Bộ Ngoại giao phối hợp với tạp chí The Economist tổ chức; Cúp vàng thương hiệu và nhãn hiệu lần 2 do Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam phối hợp với Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Khoa học Đông Nam Á và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trao tặng; Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất tại Việt Nam 2007 do Asiamoney trao tặng...

## 7. GÓP VỐN LIÊN DOANH, MUA CỔ PHẦN

Đến cuối năm 2007, tổng vốn góp liên doanh, mua cổ phần của Ngân hàng Ngoại thương lên đến 1.483,8 tỷ quy đồng, chiếm 33,5% tổng vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng Ngoại thương. Hiện tại Ngân hàng Ngoại thương tham gia góp vốn vào 23 đơn vị có kết quả kinh doanh tốt và có giá trị thị trường tương đối cao.

## 8. PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ

Năm 2007 cũng là năm hết sức bận rộn của công tác tổ chức, phát triển mạng lưới và quản lý nhân sự của NHNT Việt Nam.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Ngân hàng có sự bổ sung và thay đổi đặc biệt quan trọng trong năm 2007 với 3 ủy viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, 3 Phó Tổng giám đốc. Đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt ở hội sở chính và cấp chi nhánh cũng có sự bổ sung từ Giám đốc, Phó giám đốc đến lãnh đạo các phòng ban.

Đội ngũ lao động tại Ngân hàng Ngoại thương lên đến gần 9.200 người với số nhân sự tuyển dụng mới trong năm 2007 là gần 1.200 lao động. Các khoá đào tạo nâng cao năng lực quản trị điều hành cũng như đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu thường xuyên được Ngân hàng chú trọng. Các chương trình đào tạo trong và ngoài nước về quan hệ khách hàng, nghiệp vụ

chứng khoán, kiểm toán nội bộ, công nghệ, thẻ, thanh toán, quản lý tài sản... thường xuyên được cập nhật và đổi mới theo yêu cầu thực tiễn.

Trong năm qua, Ngân hàng Ngoại thương đã cử hơn 910 lượt cán bộ đi đào tạo ngắn hạn trong nước, 11 lượt đào tạo dài hạn tại nước ngoài và hơn 600 lượt cán bộ đào tạo ngắn hạn ở nước ngoài.

Bên cạnh chính sách thu hút nhân sự có năng lực, trình độ cao và thường xuyên đào tạo nghiệp vụ, Ngân hàng còn chú trọng đến các phúc lợi khác như khám sức khoẻ định kỳ, nghỉ dưỡng, thi đua khen thưởng, trợ cấp trong các dịp lễ Tết, các hoạt động đoàn thể, văn hoá văn nghệ để nâng cao thu nhập cũng như đời sống tinh thần của nhân viên.



## 9. CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP VÀ LIÊN DOANH GÓP VỐN

### 9.1. Công ty Chứng khoán VCBS

Trong năm 2007 thị trường chứng khoán Việt nam tiếp tục có sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về lượng chứng khoán niêm yết và giá trị giao dịch bình quân; về số lượng và quy mô hoạt động của các công ty chứng khoán cũng như về đội ngũ các nhà đầu tư tham gia thị trường. Kết thúc năm 2007, VCBS đã thực hiện vượt mức nhiều chỉ tiêu kế hoạch năm và đạt mức lợi nhuận cao gấp hơn 2 lần so với năm 2006.

Về hoạt động môi giới, hiện Công ty có tới 40.000 khách hàng, tăng 20.500 khách hàng so với cuối năm 2006; tổng giá trị giao dịch chiếm 26% thị phần; phí môi giới đạt 122,3 tỷ đồng, cao gấp hơn 3 lần so với phí thu được trong năm 2006. Về hoạt động bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ và trái phiếu chính quyền địa phương, Công ty vẫn giữ được vị trí dẫn đầu thị trường với doanh số trên 9.000 tỷ đồng, doanh thu thực đạt 4,6 tỷ đồng. Doanh thu từ hoạt động đầu tư - tự doanh chứng khoán là 290 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 250 tỷ đồng.

### 9.2. Công ty Cho thuê Tài chính

Hoạt động của Công ty Cho thuê Tài chính trong năm 2007 gặp nhiều khó khăn do nhiều khách hàng huy động được nguồn vốn lớn thông qua việc phát hành cổ phiếu bổ sung đã trả nợ trước hạn, thị trường tiếp tục bị chia sẻ do một số công ty cho thuê tài chính mới được thành lập... Do đó, dư nợ cho thuê tài chính của công ty chỉ đạt 978,7 tỷ quy đồng. Với khoản chi dự phòng của công ty lên tới 54,4 tỷ đồng, chênh lệch thu chi của công ty trong năm 2007 là âm (-) 9,3 tỷ đồng.

### 9.3. Công ty Vinafico

Trong năm 2007, Công ty Vinafico đã tập trung cải thiện quản trị công ty nhằm đáp ứng các yêu cầu khắt khe về quản trị rủi ro do Cơ quan tiền tệ của Hồng Kông (HKMA) quy định. Một hệ thống công nghệ mới đã được Ngân hàng Ngoại thương hỗ trợ triển khai tại Vinafico nhằm tạo nền tảng cho quản trị hoạt động của công ty và định hướng phát triển lâu dài tại thị trường Hồng Kông. Đến cuối năm 2007, tổng nguồn vốn của Công ty đạt 300 triệu HKD, lợi nhuận trước thuế đạt 880.000 HKD.

### 9.4. Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản

Với những nỗ lực trong nhiều năm qua, tính đến cuối năm 2007 công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình là xử lý xong toàn bộ các tài sản xiết nợ được giao, thực hiện các thủ tục giải thể công ty và hoàn tất nghĩa vụ với người lao động.

### 9.5. Trung tâm đào tạo

Trong năm 2007, Trung tâm đã tổ chức 43 khoá học với 2.714 lượt người tham dự. Trung tâm đã xây dựng chương trình khung và bộ tài liệu chuẩn cho 2 chương trình đào tạo cơ bản cho nhân viên mới và cán bộ quan hệ khách hàng; đồng thời nghiên cứu, đưa vào kế hoạch đào tạo năm 2008 các chương trình đào tạo cán bộ theo cơ chế Ngân hàng TMCP Ngoại thương.

Ngoài ra, Trung tâm cũng đã hỗ trợ, phối hợp tổ chức 7 khoá đào tạo cho hàng trăm cán bộ của Hiệp hội Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội, Ngân hàng TMCP Hàng Hải, Công ty Tài chính Bưu điện... nhằm mở rộng các mối quan hệ, tăng cường hợp tác và trao đổi thông tin.

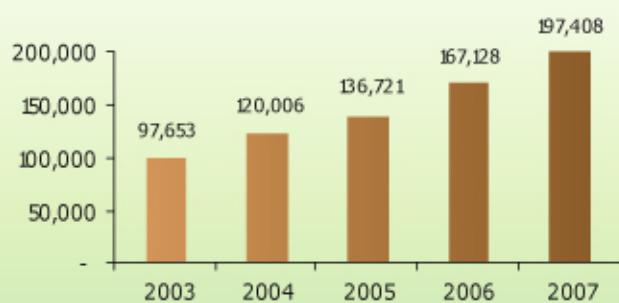


**Dietcombank**

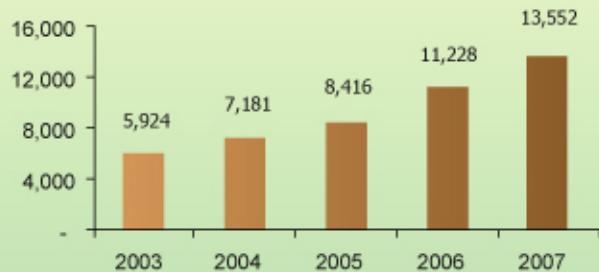
Đoàn kết chung lòng | Kề vai đi tới

CÁC  
CHỈ SỐ  
TÀI CHÍNH  
CƠ BẢN

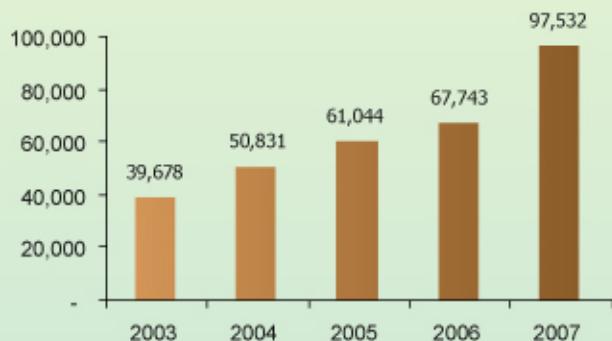
Tổng tích sản (tỷ VND)



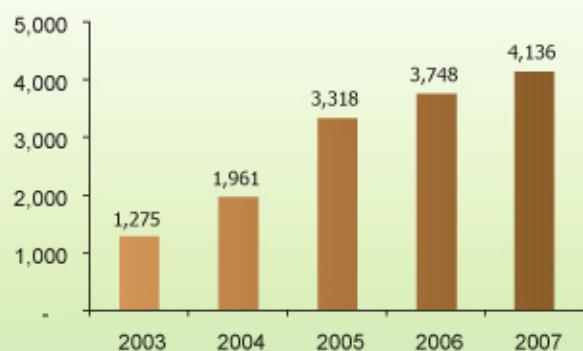
Vốn chủ sở hữu (tỷ VND)



Dư nợ tín dụng (tỷ VND)

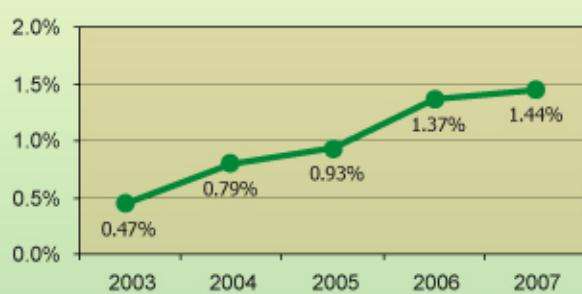


### Lợi nhuận trước thuế trước trích lập dự phòng (tỷ VND)

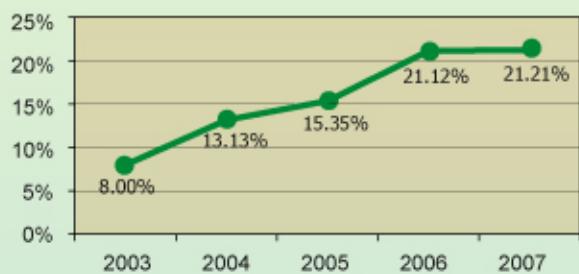


## CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

ROAA



ROAE



## MẠNG LƯỚI NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Cập nhật đến 31/08/2008

### Hệ thống trong nước

Hội sở chính	198 Trần Quang Khải, Hà Nội
Điện thoại	84-4-9343137
Fax	84-4-8249067; 84-4-9343844
SWIFT	BFTVVNVX
Website	www.vietcombank.com.vn

TT	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax	SWIFT
1	An Giang	Số 1 Đường Hùng Vương, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang	84-76 843589 84-76 843590	84-76 843590	BFTVVNVX 015
2	Ba Đình	39 Đào Tấn, Ba Đình, Hà Nội	84-4 7665311 84-4 7665312	84-4 7665313	BFTVNVVX 061
3	Bắc Ninh	2 Nguyễn Đăng Đạo, Tp. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	84-241 811855 84-241 811849	84-241 811848 84-241 811844	BFTVVNVX 035
4	Bãi Cháy	Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Tỉnh Quảng Ninh	84-33 811808 84-33 845943	84-33 844746	BFTVNVVX 052
5	Bến Thành	69 Bùi Thị Xuân, Quận 1, TP HCM	84-8 8359323 84-8 8359262	84-8 8325041	BFTVNVVX 033
6	Biên Hòa	22 Đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	84-61 3991948	84-61 3991947	BFTVNVVX 048
7	Bình Dương	314 Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	84-650 898989	84-650 831220	BFTVVNVX 028
8	Bình Tân	129-129A Hậu Giang, Phường 5, Quận 6, TP. HCM	84-8 9600477 84-8 9600478	84-8 9606217	BFTVVNVX 025
9	Bình Thạnh	169 Đường Điện Biên Phủ, Phường 15 Quận Bình Thạnh, Tp. HCM	84-8 8407924	84-8 8407923	BFTVNVVX 053
10	Bình Thuận	87 Đường 19/4, Tp. Phan Thiết, Bình Thuận	84-62 739065	84-62 739066	BFTVNVVX 062
11	Cà Mau	Số 4 Lạc Long Quân, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	84-780 835024	84-780 833466	BFTVVNVX 019
12	Cam Ranh	122 Đường 22/8, Thị xã Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	84-58 952400	84-58 952403	BFTVNVVX 058
13	Cần Thơ	Số 7 Hoà Bình, TP Cần Thơ	84-71 820445 84-71 824354	84-71 820694	BFTVVNVX 011
14	Châu Đốc	315 Lê Lợi, Thị xã Châu Đốc, Tỉnh An Giang	84-76 561702	84-76 561703	BFTVNVVX 047
15	Chương Dương	564 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội	84-4 8777155 84-4 8777159	84-4 8777158	BFTV VNVX 054
16	Dung Quất	Lô L3 phân khu CN Sài Gòn - Dung Quất, Bình Sơn, Quảng Ngãi	84-55 632333	84-55 610806	BFTVNVVX 057
17	Đà Lạt	6 Nguyễn Thị Minh Khai, Đà Lạt, Lâm Đồng	84-63 510586	84-63 510480	BFTVNVVX 056

TT	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax	SWIFT
18	Đà Nẵng	140 – 142 Đường Lê Lợi, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	84-511 817441 84-511 823753	84-511 826062	BFTVNVVX 004
19	Đắk Lắc	Số 6 Trần Hưng Đạo, TP Ban Mê Thuật, Tỉnh Đắk Lắc	84-50 855037 84-50 831018	84-50 855038	BFTVNVVX 023
20	Đồng Nai	77C Đường Hưng Đạo Vương, TP Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai	84-61 3823666	84-61 3824191	BFTVNVVX 012
21	Đồng Tháp	66 Đường 30/4 Phường 01 - Thị xã Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	84-67 872115 84-67 872110	84-67 872119	BFTVNVVX 060
22	Gia Lai	62 Phan Bội Châu, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai	84-59 828594 84-59 871685	84-59 828592	BFTVNVVX 029
23	Hà Nội	344 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	84-4 9746666	84-4 9747065	BFTVVNVX 002
24	Hà Tĩnh	11 Phan Đình Phùng, Thị xã Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	84-39 857003	84-39 857002	BFTVVNVX 020
25	Hải Dương	Km số 3 Đường Nguyễn Lương Bằng, Thị xã Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	84-320 891259 84-320 891099	84-320 891807	BFTVVNVX 034
26	Hải Phòng	11 Hoàng Diệu, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng	84-31 3842115 84-31 3822247	84-31 3841117	BFTVVNVX 003
27	Hồ Chí Minh	29 Bến Chương Dương, Quận 1, TP HCM	84-8 8297245	84-8 8297228	BFTVVNVX 007
		13 Kỳ Đồng, Quận 3, Tp. HCM	84-8 9318979	84-8 9318980	BFTVVNVX 007
28	Huế	78 Hùng Vương, TP Huế	84-54 824795 84-54 811900	84-54 824631	BFTVVNVX 016
29	Hưng Yên	Đường 39, Xã Nghĩa Hiệp, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên	84-321 941042	84-321 941044	BFTVNVVX 059
30	Khu công nghiệp	Đường DT743, Xã Bình Hoà, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương	84-650 710721 84-650 710722	84-650 710725	BFTVNVVX 041
31	Kiên Giang	Số 2 Mạc Cửu, TP Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	84-77 868149 84-77 863427	84-77 922009 84-77 866243	BFTVVNVX 009
32	Long An	134-136-138 Nguyễn Hữu Thọ, Bến Lức, Long An	84-72 633682 84-72 633685	84-72 633687	BFTVNVVX 063
33	Móng Cái	Số 2 Võ Văn Đồn, Thị xã Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh	84-33 881628 84-33 887575	84-33 881676	BFTVNVVX 055
34	Nam Sài Gòn	Khu chế xuất Tân Thuận, Quận 7, TP HCM	84-8 7701634	84-8 7701635	BFTVVNVX 018
35	Nha Trang	17 Đường Quang Trung, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	84-58 821483 84-58 815558	84-58 815114 84-58 823806	BFTVVNVX 006
36	Nhơn Trạch	Đường 25B, Khu công nghiệp Nhơn Trạch III, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	84-61 3560034 84-61 3560882	84-61 3560880	BFTVNVVX 040
37	Phú Tài	Quốc lộ 1A, Phường Trần Quang Diệu, Tỉnh Bình Định	84-56 741038 84-56 211690	84-56 741007	BFTVNVVX 043

TT Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax	SWIFT
38 Phú Thọ	664 Sư Vạn Hạnh, Quận 10, TP HCM	84-8 8662155 84-8 9570727	84-8 8655973 84-8 9570726	BFTVNVVX 042 BFTVNVVX 051
39 Quận 5	2D-2E Lý Thường Kiệt, Quận 5, TP HCM	84-52 828376 84-52 840662	84-52 828347	BFTVNVVX 031
40 Quảng Bình	3 Lý Thường Kiệt, Đồng Hới, Quảng Bình	84-510 813062 84-510 810673	84-510 813061 84-510 813235	BFTVVNVX 065
41 Quảng Nam	35 Trần Hưng Đạo, Thị xã Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	84-55 811941 84-55 241312	84-55 710853	BFTVNVVX 027
42 Quảng Ngãi	345 Hùng Vương, Thị xã Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	84-33 825509 84-33 828914	84-33 827206	BFTVNVVX 014
43 Quảng Ninh	703 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	84-56 821498	84-56 823181	BFTVVNVX 005
44 Quy Nhơn	152 Lê Lợi, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	84-4 9368547 84-79 821036	84-4 9365534 84-71 824186	BFTVVNVX 001 BFTVVNVX 032
45 Sở giao dịch	31-33 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	84-4 7241627 84-8 7242646	84-4 7241498	BFTVNVVX 046
46 Sóc Trăng	27 Hai Bà Trưng, Thị xã Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	84-8 8106454 84-8 8125175	84-8 8106838	BFTVNVVX 044
47 Sóng Thần	1 Xa lộ Trường Sơn, Dĩ An, Bình Dương	84-8 8206157	84-8 8206846	BFTVNVVX 037
48 Tân Bình	E-Town 364 Cộng Hòa, Quận Tân Bình, TP HCM	84-4 7761764 84-4 7761814	84-4 7761747	BFTVVNVX 021
49 Tân Định	72 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP HCM	84-4 7761814	84-4 7761747	BFTVVNVX 045
50 Thái Bình	59 Lê Lợi, Thị xã Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	84-36 836993 84-36 836996	84-36 836994	BFTVVNVX 049
51 Thành Công	30-32 Láng Hạ, Đồng Đa, Hà Nội	84-4 7569008 84-4 7569004	84-4 7569006	BFTVNVVX 038
52 Thăng Long	Khu chế xuất Linh Trung I, Thủ Đức, TP HCM	84-8 8966806 84-8 8962352	84-8 8974176	BFTVNVVX 039
53 Thủ Đức	Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Q. Bình Thuỷ, TP Cần Thơ	84-71 844272	84-71 843056	BFTVNVVX 010
54 Trà Nóc	Số 9 Đường Nguyễn Sỹ Sách, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An	84-38 3842033 84-38 3842426	84-38 842192	BFTVVNVX 050
55 Vĩnh Phúc	Khu hành chính, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh	84-8 7651328	84-8 7651327	BFTVNVVX 036
56 Vĩnh Phúc	10 đường Kim Ngọc, thị xã Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc	84-211 720931 84-211 720920	84-211 720921 84-211 720934	BFTVVNVX 008
57 Vũng Tàu	27 Trần Hưng Đạo, TP Vũng Tàu	84-64 852309 84-64 859874	84-64 859859	BFTVVNVX 064
58 Xuân An	Khối 1, Thị trấn Xuân An, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	84-39 821202 84-39 821049	84-39 821248	

## Các công ty trực thuộc

Công ty	Giám đốc	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
Công ty Cho Thuê Tài chính Vietcombank	Nguyễn Minh Sáu	Tầng 3, 10B Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	84-4 9289 289	84-4 9289 150
Công ty Chứng khoán Vietcombank	Nguyễn Thị Bích Liên	Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà nội	84-4 9366990 84-4 9360262	84-4 9360263
Công ty TNHH 198 Cao ốc Vietcombank	Henry Sng	Tầng 13, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà nội	84-4-9340919	84-4-9340918

## Mạng lưới nước ngoài

Tên đơn vị	Giám đốc	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông	Nguyễn Thị Thúy Vân	16th floor, Golden Star Building, 20 Lockhard, Hongkong	852-28653905	852-28660007
Văn phòng Đại diện tại Singapore	Nguyễn Thị Hoa	1 Raffles Place #26-03 OUB Center, Singapore 048616	65-63237558	65-62337559



**Dietcombank**

Không ngừng phát triển...



## NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Hội sở chính: 198 Trần Quang Khải, Hà Nội

Điện thoại: 84-4-9343137

Fax: 84-4-8249067; 84-4-9343844

SWIFT: BFTVVNVX

Website: [www.vietcombank.com.vn](http://www.vietcombank.com.vn)

# Báo cáo thường niên ANNUAL REPORT **2007**

Vươn lên mạnh mẽ | Tiếp nối thành công

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	4
Các chỉ số tài chính cơ bản	7
Hoạt động của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam năm 2007	10
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam với tiến trình cổ phần hoá	19
Các chỉ tiêu hoạt động cho năm 2008	22
Mô hình tổ chức Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	26
Thành viên Hội đồng Quản trị	27
Thành viên Ban Điều hành	29
Báo cáo tài chính	31
Mạng lưới Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	62



# THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Thời gian thầm thoát thoị đưa. Một năm nữa đã qua. Thêm một năm tiếp nối những thành công của đất nước trong thời kỳ đổi mới.

Năm 2007 là năm đầu tiên Việt Nam chính thức là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới WTO, là thành viên không thường trực Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc. Mặc dù gặp không ít khó khăn nhưng nền kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục đạt được những thành tựu quan trọng, GDP tiếp tục tăng trưởng mạnh (8,44%), vốn FDI cam kết và giải ngân nhiều nhất từ trước đến nay (20,3 tỷ USD và 4,6 tỷ USD), kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện. Thể và lực của Việt Nam đang lên.

Năm 2007 cũng là một năm thành công với nhiều dấu mốc quan trọng trong tiến trình phát triển của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam mà một trong số đó là việc phát hành thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) vào ngày 26/12/2007. Trong lúc thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong cảnh "chợ chiều", gần 97% lượng phát hành của cổ phiếu Vietcombank (khoảng 1.000 tỷ đồng mệnh giá) đã được bán cho gần 9.000 nhà đầu tư với mức giá bình quân thực tế lên tới 107.572,70 đồng. Đó là một thành công lớn, thể hiện niềm tin và sự kỳ vọng công chúng đầu tư gửi gắm vào NHNT Việt Nam.

Năm 2007, tình hình giá cả diễn biến phức tạp, lạm phát có dấu hiệu tăng cao, đồng USD mất giá trên thị trường quốc tế và với cả đồng Việt Nam, FED cắt giảm lãi suất... Đó là những khó khăn lớn đối với hoạt động của

các ngân hàng Việt Nam nói chung và của Ngân hàng Ngoại thương nói riêng. Trong bối cảnh ấy, hoạt động kinh doanh của NHNT Việt Nam vẫn đạt được những kết quả rất đáng ghi nhận.

Năm 2007, tổng tích sản đạt 197,4 ngàn tỷ đồng, tăng 18,1% so với năm 2006. Thu nhập trước thuế và dự phòng đạt 4.136 tỷ, tăng 10,35% so với năm 2006. Hệ thống mạng lưới Vietcombank tiếp tục được mở rộng và phát triển với 70 Phòng giao dịch được thành lập mới. Đến cuối năm, NHNT Việt Nam đã có 59 Chi nhánh (bao gồm cả Sở giao dịch), 146 Phòng Giao dịch, 4 công ty con (trong đó có 1 công ty ở nước ngoài), 2 văn phòng đại diện nước ngoài và nhiều công ty liên doanh, liên kết.

Năm 2007, Ngân hàng Ngoại thương đã trở thành ngân hàng đầu tiên trích lập đủ dự phòng rủi ro sớm hơn thời hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng Ngoại thương đã thu xếp, tài trợ vốn cho hàng loạt dự án trọng điểm quốc gia, ký kết thoả thuận hợp tác chiến lược toàn diện với nhiều tập đoàn và tổng công ty lớn.

Năm 2007, hàng loạt các sản phẩm dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ hiện đại như I-Banking, SMS Banking, Visa Debit... đã được ra đời. Ngân hàng Ngoại thương đã tham gia với vai trò nòng cốt thành lập các liên doanh như Công ty cổ phần dịch vụ thẻ Smartlink, Công ty TNHH Bảo hiểm Vietcombank - Cadif... và tham gia góp vốn với tư cách cổ đông sáng lập ở hàng loạt công ty khác.



Năm 2007, uy tín và thương hiệu Vietcombank tiếp tục được khẳng định và ghi nhận. Asia-Money và nhiều tổ chức danh tiếng quốc tế đã vinh danh Ngân hàng Ngoại thương. Nhiều giải thưởng trong nước đã được trao cho Ngân hàng như top ten thương hiệu mạnh toàn quốc, cúp vàng "vì sự nghiệp cộng đồng" ... Đặc biệt hơn, thương hiệu "Vietcombank" và sản phẩm "Thẻ connnect 24" của Vietcombank đã được lựa chọn là một trong 30 thương hiệu tham gia chương trình thương hiệu quốc gia.

Những kết quả đạt được trong năm qua của Ngân hàng Ngoại thương là sự tổng hòa của các nhân tố: bề dày truyền thống Vietcombank; sự ủng hộ và gắn bó của khách hàng, bạn hàng, đối tác; sự nỗ lực của Ban Lãnh đạo; trên hết là đóng góp của gần 9.000 cán bộ nhân viên Vietcombank. Xin gửi một lời cảm ơn cho tất cả.

Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam bước sang năm 2008 với một sắc thái mới, diện mạo mới. Bằng việc kiên định định hướng phát triển trở thành một trong 70 tập đoàn tài chính ngân hàng hàng đầu châu Á vào năm 2015, không ngừng đổi mới nâng cao trình độ công nghệ, áp dụng những mô thức quản trị hiện đại, chú trọng phát triển nguồn lực con người, Ngân hàng Ngoại thương chắc chắn sẽ tiếp tục đạt được những thành công mới.

Trong năm 2008 và những năm tới, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam kiên định phương châm 20 chữ:

**Năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp, nhất trí, đồng tâm.**

**Tiên tiến, hiện đại, linh hoạt, hiệu quả, cách tân. \***

Với phương châm đó, Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên Ngân hàng Ngoại thương luôn nỗ lực không ngừng để đem lại chất lượng dịch vụ tốt nhất, hiệu quả kinh doanh cao nhất, vì lợi ích của khách hàng - những người đã tin tưởng ở thương hiệu Vietcombank, vì lợi ích của cổ đông - những người đã đặt niềm tin và sự kỳ vọng vào Ngân hàng Ngoại thương và vì một Ngân hàng Ngoại thương phát triển bền vững - **một ngân hàng hàng đầu vì Việt Nam thịnh vượng.**

Chủ tịch HĐQT

Tổng Giám đốc

**Nguyễn Hòa Bình      Nguyễn Phước Thanh**

\* (Tư duy năng động. Hành động sáng tạo. Phong cách chuyên nghiệp. Nhất trí. Đồng tâm; Quản trị tiên tiến. Công nghệ hiện đại. Điều hành linh hoạt. Coi trọng hiệu quả và luôn đổi mới).